

Số: **11/TT- TTCP**
(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về Dự thảo Nghị định Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ,
quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Kính gửi: Chính phủ

(Tài liệu gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Thanh tra Chính phủ kính trình Chính phủ, dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều văn bản, nghị quyết về công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, có thể kể đến như:

- Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Quy định số 85-QĐ/TW ngày 23/5/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện bộ chính trị, ban bí thư quản lý.

- Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Ban chấp hành Trung ương quy định về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

- Hướng dẫn số 03-HD/UBKTTW ngày 03/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/22/2018.

-Kết luận số 105-KL/TW ngày 04/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản.

- Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Hướng dẫn số 08-HD/TW ngày 10/6/2025 của Ban chấp hành Trung ương về thực hiện một số nội dung Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 07/4/2026 của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới, nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng.

- Quy định số 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 của Ban chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng...

Ngày 10/2/2025, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng được ban hành, Luật có một số nội dung mới về kiểm soát tài sản, thu nhập cụ thể là:

(1) Sửa đổi quy định về Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, trong đó xác định rõ Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi là người có nghĩa vụ kê khai) là người thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và đảng viên chuyên trách công tác đảng hoặc có vị trí việc làm ở các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy theo quy định của Đảng; Quy định thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra Chính phủ đối với người có nghĩa vụ kê khai giữ chức vụ từ Phó Vụ trưởng và tương đương trở lên... Đồng thời, giao Chính phủ quy định về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai không thuộc các trường hợp được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

(2) Sửa đổi quy định về đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập, theo đó bổ sung Người giữ chức vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Chính phủ (trước đây là Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp)

(3) Sửa đổi quy định về tài sản, thu nhập phải kê khai: kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và tài sản khác mà mỗi loại tài sản có giá trị từ 150.000.000 đồng trở lên (trước đây là 50 triệu đồng trở lên); Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên (trước đây là 300 triệu đồng).

(4) Sửa đổi quy định đối tượng phải kê khai hằng năm là Người giữ chức vụ từ Phó Vụ trưởng và tương đương trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại chính quyền địa phương...

(5) Sửa đổi quy định về trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập, theo đó việc xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập và thành lập Tổ xác minh tài sản, thu nhập;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai;

c) Yêu cầu người được xác minh giải trình về tài sản, thu nhập của mình;

d) Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập;

đ) Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập;

e) Kết luận xác minh tài sản, thu nhập;

g) Gửi và công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập.

(6) Sửa đổi quy định về xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực, theo đó người có nghĩa vụ kê khai mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, pháp luật về viên chức và pháp luật khác có liên quan; trường hợp là đảng viên thì còn bị xử lý theo quy định

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng đã giao Chính phủ quy định chi tiết các chương, điều, khoản, bao gồm: Điều 30 về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Điều 35 về tài sản, thu nhập phải kê khai, Điều 41 về căn cứ xác minh tài sản, thu nhập, Điều 44 về trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập.

2. Cơ sở thực tiễn

Từ thực tiễn theo dõi việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai, việc kiểm soát tài sản, thu nhập của các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Thanh tra Chính phủ phát hiện một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định pháp luật về kê khai tài sản, thu nhập và kiểm soát tài sản, thu nhập như quy định về người có nghĩa vụ kê khai; mẫu bản kê khai; việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập; việc xác minh tài sản, thu nhập...

Do vậy, việc xây dựng nghị định mới để thay thế cho Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Nhằm quy định chi tiết những nội dung Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, đồng thời sửa đổi, bổ sung những nội dung của Nghị định hiện hành chưa phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Dự thảo Nghị định được xây dựng bám sát đường lối, chủ trương của Đảng về công tác phòng, chống tham nhũng, quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật...

- Quy định chi tiết và đầy đủ những nội dung mà Quốc hội giao Chính phủ hướng dẫn thi hành tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng, đồng thời có các quy định cụ thể về biện pháp thi hành Luật nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của các quy định pháp luật.

- Các quy định trong Nghị định phải phù hợp với điều kiện thực tế, cơ sở nền tảng kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước và phải tạo thuận lợi cho người kê khai tài sản, thu nhập, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc kê khai tài sản, thu nhập, công khai và kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Nghị định phải góp phần giải quyết những tồn tại, hạn chế, bất cập đang đặt ra trong thực tiễn công tác phòng, chống tham nhũng nói chung và công tác kiểm soát tài sản, thu nhập nói riêng; bảo đảm các quy định dễ thực hiện, dễ đánh giá; việc kiểm soát tài sản, thu nhập phải có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và phòng ngừa tham nhũng từ sớm, từ xa.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 23/2/2026 về việc thành lập Tổ soạn thảo với thành viên là đại diện các cơ quan: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Nội Vụ... Việc xây dựng

dự thảo Nghị định đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Nghị định hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:

1. Nghiên cứu, rà soát các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đánh giá về thủ tục hành chính của Dự thảo Nghị định.

3. Đăng tải Dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ để lấy ý kiến của Nhân dân; lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến, giải trình của các bộ, ngành, địa phương.

4. Gửi xin ý kiến thẩm định và nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

5. Chính lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ xem xét, thông qua.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, bao gồm:

- Điểm b khoản 2 Điều 31 về trình tự, thủ tục yêu cầu, thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai để phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập;

- Điều 35 Tài sản, thu nhập phải kê khai và Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập và việc thực hiện kê khai;

- Khoản 3 Điều 34, Điểm b khoản 3 Điều 36 về người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm;

- Khoản 1, 2 và 5 Điều 39 về thời điểm, hình thức và việc tổ chức công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

- Điểm d khoản 1 Điều 41 về tiêu chí lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được xác minh theo kế hoạch hằng năm và việc xây dựng, phê

duyet kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Khoản 2 Điều 44 về trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm;

- Điều 54 về bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Điểm g, điểm h khoản 1 Điều 94 về xử lý kỷ luật đối với người vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình về biến động tài sản, thu nhập và nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; vi phạm quy định về thời hạn kê khai tài sản, thu nhập hoặc vi phạm quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Đối tượng áp dụng

- Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi là người có nghĩa vụ kê khai).

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Về bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được kết cấu thành 9 chương với tổng số 42 điều; cụ thể như sau:

Chương I: “Quy định chung” gồm 4 điều, từ Điều 1 đến Điều 4.

Chương II: quy định về Trình tự, thủ tục và cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập gồm 4 điều, từ Điều 5 đến Điều 8.

Chương III: quy định cụ thể về “Kê khai tài sản, thu nhập” gồm 2 điều, từ Điều 9 đến Điều 10.

Chương IV: quy định cụ thể về “Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập” gồm 3 điều, từ Điều 11 đến Điều 13.

Chương V: quy định cụ thể về “Xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập” gồm 3 điều, từ Điều 14 đến Điều 16.

Chương VI: “Trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập” gồm 16 điều, từ Điều 17 đến Điều 32.

Chương VII: “Bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập” gồm 3 điều, từ Điều 33 đến Điều 35.

Chương VIII: “Xử lý vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập” gồm 4 điều, từ Điều 36 đến Điều 39.

Chương IX: “Điều khoản thi hành” gồm 3 Điều, từ Điều 40 đến Điều 42.

3. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định

So với Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự thảo Nghị định giữ nguyên 12 điều vẫn còn phù hợp với thực tiễn; sửa đổi, hoàn thiện 13 Điều cho phù hợp với tình hình thực tiễn; bổ sung 16 Điều từ Điều 19 đến Điều 34 về trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập. Cụ thể như sau:

3.1. Những quy định giữ nguyên

Dự thảo Nghị định có 12 điều giữ nguyên so với quy định hiện hành, đó là quy định về Đối tượng áp dụng (Điều 2); Nguyên tắc kiểm soát tài sản, thu nhập (Điều 4); Quyền yêu cầu, trách nhiệm và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin (Điều 7); Việc yêu cầu cung cấp thông tin của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (Điều 8); Việc yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực ngoài nhà nước và cá nhân (Điều 10); Nguyên tắc bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập (Điều 35); Trách nhiệm bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập (Điều 36); Khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập (Điều 37); Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập (Điều 40); Công khai quyết định xử lý vi phạm (Điều 41) và Trách nhiệm thi hành (Điều 43).

3.2. Những quy định sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện

Dự thảo Nghị định có 13 Điều được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn tập trung vào một số vấn đề lớn cụ thể như sau:

a) Phạm vi điều chỉnh, giải thích thuật ngữ

- Phạm vi điều chỉnh: so với Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định bổ sung các điều, khoản phải hướng dẫn tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng (Khoản 2 Điều 44 về trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm).

- Hoàn thiện một số thuật ngữ Kiểm soát tài sản, thu nhập và xác minh tài sản, thu nhập... cụ thể là:

+ Kiểm soát tài sản, thu nhập là hoạt động do Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của pháp luật để biết rõ tài sản, thu nhập, biến

động về tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm của người có nghĩa vụ kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng.

+ Kê khai tài sản, thu nhập là việc ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác các loại tài sản, thu nhập, biến động tài sản, thu nhập phải kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm theo Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Nghị định này.

+ Xác minh tài sản, thu nhập là việc kiểm tra, làm rõ nội dung kê khai và xem xét, đánh giá, kết luận của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai, và tính trung thực trong việc giải trình về biến động tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm và nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm.

- Bổ sung giải thích thuật ngữ trong Nghị định theo góp ý của các bộ, ngành, địa phương:

+ Kê khai không trung thực là hành vi của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập dù biết rõ tài sản, thu nhập của mình, của vợ, chồng, con chưa thành niên phải kê khai nhưng đã không kê khai theo quy định.

+ Giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực là hành vi của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập đã cố ý kê khai không đúng sự thật về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm

b) Về người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm

- Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng thì Kê khai hằng năm được thực hiện đối với những trường hợp:

+ Người giữ chức vụ từ Phó Vụ trưởng và tương đương trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại chính quyền địa phương.

+ Người không thuộc quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.

Từ thực tiễn công tác kiểm soát tài sản, thu nhập những năm qua và xuất phát từ mục đích Luật phòng, chống tham nhũng tập trung kiểm soát tài sản, thu

nhập người có chức vụ, quyền hạn, để bảo đảm việc kiểm soát tài sản, thu nhập hiệu quả, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, dễ tổ chức thực hiện; dự thảo Nghị định đề xuất những người thực hiện kê khai hằng năm gồm:

+ Người giữ chức vụ từ Phó Vụ trưởng và tương đương trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại chính quyền địa phương (theo quy định của Luật).

+ Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương công tác tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp sở và tương đương, cấp cục và tương đương, Doanh nghiệp nhà nước ở các vị trí việc làm phụ trách trực tiếp công tác: tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

+ Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

So với quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, dự thảo Nghị định đã quy định gần hơn với tinh thần Luật giao (là trưởng phòng, công tác tại vị trí tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân). Những công chức không giữ chức vụ quản lý không phải thực hiện nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, nếu có biến động tài sản, thu nhập trong năm từ 1.000.000.000 đồng trở lên thì thực hiện việc kê khai bổ sung.

c) Về Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập

Từ thực tiễn theo dõi việc kê khai tài sản, thu nhập trong những năm qua, Thanh tra Chính phủ đề xuất Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập và thống nhất thực hiện một mẫu kê khai tài sản đối với kê khai lần đầu, kê khai hàng năm, kê khai bổ sung và kê khai phục vụ công tác cán bộ theo hướng phù hợp với các quy định của pháp luật về tài sản, thu nhập, tình trạng quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản, thu nhập, đúng bản chất sự việc, khách quan, rõ ràng, chính xác, đầy đủ, thuận tiện, dễ hiểu, dễ thực hiện cho người kê khai, đồng thời dễ theo dõi biến động tài sản, thu nhập cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, cắt giảm thủ tục hành chính, đơn giản hoá, phục vụ tốt nhu cầu quản lý, khai thác và kiểm soát tài sản, thu nhập một cách chính xác, hiệu quả (có mẫu bản kê khai kèm theo).

d) Về việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

Kế thừa các quy định về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập trong Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định chính quyền địa phương 2 cấp (bỏ cấp huyện), việc công khai của người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước, việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của những cơ quan không còn tổ chức

công đoàn và đơn giản hóa việc công khai tài sản, thu nhập trong công tác cán bộ. Nội dung công khai bản kê khai tài sản, thu nhập được cụ thể hóa tại Điều 11, 12 và Điều 13 dự thảo Nghị định.

đ) Về kế hoạch xác minh và tiêu chí lựa chọn người được xác minh tài sản, thu nhập theo Kế hoạch hằng năm

- Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể về Kế hoạch xác minh. Theo đó, kế hoạch xác minh phải có các nội dung sau: mục đích, yêu cầu của kế hoạch xác minh; nội dung xác minh là các thông tin kê khai tại bản kê khai của năm xác minh so với các thông tin đã kê khai tại các bản kê khai của các năm trước; số lượng và tên cơ quan, đơn vị được xác minh... so với quy định hiện hành, dự thảo Nghị định đã làm rõ: nội dung xác minh là các thông tin kê khai tại bản kê khai của năm xác minh so với các thông tin đã kê khai tại các bản kê khai của các năm trước, nhằm tránh tình trạng phải xác minh nhiều bản kê khai tài sản, thu nhập, khó khăn không chỉ cho người xác minh mà còn đối với cả người được xác minh trong việc nhớ các nội dung kê khai và giải trình.

- Tiêu chí lựa chọn người được xác minh tài sản, thu nhập theo Kế hoạch hằng năm: dự thảo kế thừa quy định về việc lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai được xác minh theo kế hoạch hằng năm phải căn cứ vào các tiêu chí như:

+ Người có nghĩa vụ kê khai là đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm.

+ Người có nghĩa vụ kê khai chưa được xác minh về tài sản, thu nhập trong thời gian 05 năm liên trước đó.

+ Người có nghĩa vụ kê khai không thuộc một trong các trường hợp sau: người đang bị điều tra, truy tố, xét xử; người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận; người đang học tập, công tác ở nước ngoài từ 12 tháng trở lên.

Đồng thời, bổ sung các trường hợp không xác minh như: người đã có quyết định, thông báo nghỉ chế độ hưu trí theo quy định; người không còn là đối tượng kiểm soát tài sản, thu nhập của cơ quan xác minh tài sản, thu nhập...

e) Xử lý vi phạm

Nhằm cụ thể hóa quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng về xử lý vi phạm đối với người bị kết luận kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, dự thảo Nghị định quy định: Người có nghĩa vụ kê khai mà kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản giảm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

So với quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, dự thảo Nghị định bổ sung hình thức xử lý kỷ luật khiển trách đối với người có nghĩa vụ kê khai mà kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản giảm không trung thực. Quy định này nhằm bảo đảm xử lý người có nghĩa vụ kê khai được mềm mại, phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm.

4.3. Những nội dung quy định mới

Nghị định số 130/2020/NĐ-CP chưa quy định về trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập. Nhằm cụ thể hóa quy định của Luật, dự thảo Nghị định đã dành 01 chương với 16 Điều quy định về trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập. Theo đó, trình tự, thủ tục xác minh được thực hiện thông qua các bước sau:

a) Chuẩn bị xác minh tài sản, thu nhập

- Người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập căn cứ vào Điều 41 và Điều 45 Luật Phòng, chống tham nhũng để ban hành quyết định xác minh tài sản, thu nhập. Tổ trưởng Tổ xác minh có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tiến hành xác minh tài sản, thu nhập với các nội dung: Mục đích, yêu cầu; phạm vi, nội dung, đối tượng, thời điểm, thời hạn xác minh; phương pháp tiến hành xác minh; tiến độ thực hiện, chế độ thông tin báo cáo; việc sử dụng phương tiện, kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết phục vụ hoạt động của Tổ xác minh. Tổ trưởng Tổ xác minh trình Người ra quyết định xác minh phê duyệt trước khi Tổ trưởng Tổ xác minh ký kế hoạch tiến hành xác minh. Tổ trưởng Tổ xác minh tổ chức họp Tổ xác minh để phổ biến kế hoạch tiến hành xác minh, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi, thời điểm, thời hạn, thời gian, phương pháp tiến hành xác minh và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ xác minh.

- Yêu cầu cung cấp tài liệu kiểm chứng, yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác minh: Căn cứ vào bản kê khai tài sản của người được xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh có văn bản yêu cầu, đề nghị người được xác minh cung cấp tài liệu, giấy tờ kiểm chứng những thông tin đã ghi trong bản kê khai tài sản. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung xác minh hoặc tổ chức thu thập thông tin tài liệu qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia liên thông.

b) Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập

- Căn cứ vào bản kê khai tài sản, thu nhập, thông tin, tài liệu do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp hoặc thu thập trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và giải trình của người được xác minh, Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập được giao nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập của người được xác minh.

Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập được giao nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập đánh giá các nội dung kê khai:

+ Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với các hồ sơ, tài liệu, thông tin do người được xác minh cung cấp;

+ Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với thông tin, tài liệu do các cơ quan có liên quan cung cấp;

+ Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai trong bản kê khai tài sản, thu nhập;

+ Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với giải trình của người được xác minh;

+ Yếu tố lỗi của người được xác minh khi kê khai tài sản, thu nhập không phù hợp với thực tế;

+ Yếu tố lỗi của cơ quan quản lý người được xác minh trong việc hướng dẫn kê khai, rà soát, kiểm tra bản kê khai.

- Yêu cầu giải trình, làm việc trực tiếp với người được xác minh tài sản, thu nhập: căn cứ vào kết quả nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập; thông tin, tài liệu của các cơ quan có liên quan cung cấp, trường hợp cần thiết, Tổ xác minh có văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình một, một số nội dung cụ thể liên quan đến nội dung kê khai. Trường hợp nội dung giải trình của người kê khai chưa rõ, Tổ xác minh báo cáo, đề xuất Người ra quyết định xác minh cho phép làm việc trực tiếp với người được xác minh. Nếu thông tin, tài liệu được cung cấp chưa đầy đủ, việc giải trình chưa rõ thì Tổ xác minh yêu cầu người được xác minh tiếp tục cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ.

- Căn cứ vào tình hình thực tế, yêu cầu của việc xác minh hoặc chỉ đạo của Người ra quyết định xác minh, Tổ xác minh tiến hành xác minh thực tế ở những địa điểm cần thiết, làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thu thập, kiểm tra, xác định tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung xác minh.

- Báo cáo kết quả xác minh: Thành viên Tổ xác minh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ xác minh gửi Tổ trưởng Tổ xác minh theo tiến độ đã xác định trong Kế hoạch xác minh đã được phê duyệt. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập; thông tin, tài liệu của các cơ quan có liên quan cung cấp; giải trình của người được xác minh; báo cáo của các thành viên Tổ xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh xây dựng Báo cáo kết quả xác minh gửi Người ra quyết định xác minh. Thời hạn báo cáo và nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 48 Luật Phòng, chống tham nhũng.

c) Kết luận xác minh tài sản, thu nhập

Người ra quyết định xác minh xem xét, đánh giá các nội dung trong Báo cáo kết quả xác minh. Trường hợp cần phải làm rõ hoặc bổ sung thêm nội dung của Báo cáo kết quả xác minh, Người ra quyết định xác minh yêu cầu Tổ trưởng Tổ xác minh và các thành viên Tổ xác minh báo cáo hoặc tổ chức họp Tổ xác minh để nghe Tổ xác minh báo cáo trực tiếp. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh phải ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.

Bên cạnh những quy định trên, dự thảo Nghị định cũng quy định cụ thể thể về nguyên tắc xác minh tài sản, thu nhập; những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động xác minh; việc gửi, công khai kết luận xác minh và đặc biệt là quy định rõ về trách nhiệm lập hồ sơ xác minh tài sản, thu nhập; thành phần hồ sơ xác minh; việc nộp, lưu hồ sơ xác minh, danh mục hồ sơ tài liệu xác minh, thời hạn lưu hồ sơ, cơ quan quản lý hồ sơ...

Khoản 8 Điều 30 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng quy định: Chính phủ quy định về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai không thuộc các trường hợp được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7. Qua rà soát, hiện nay người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập đang công tác tại Mặt trận tổ quốc cấp tỉnh, cấp xã chưa được Luật xác định do cơ quan nào quản lý. Tuy nhiên, Quy định số 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 của Ban chấp hành trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng đã quy định Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên có thẩm quyền kiểm soát đối với đảng viên là cán bộ công tác tại Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể. Do vậy, cơ quan chủ trì không quy định chi tiết khoản này.

V. VẤN ĐỀ CÒN Ý KIẾN KHÁC NHAU CẦN XIN Ý KIẾN CẤP CÓ THẨM QUYỀN VÀ KIẾN NGHỊ PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT.

Không phát sinh.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QU/A/BAN HÀNH

1. Về dự kiến nguồn lực: các quy định của dự thảo Nghị định không làm phát sinh nguồn lực cho việc thi hành.

2. Về thời gian trình thông qua: dự thảo Nghị định trình Chính phủ vào tháng 4/2026 để ban hành bảo đảm có hiệu lực cùng thời điểm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng có hiệu lực thi hành.

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, Thanh tra Chính phủ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; (2) Bảng so sánh, thuyết minh; (3) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (5) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến của các bộ, ngành, địa phương).

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgTT CP (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Nguyễn Văn Cường;
- Lưu: VT, Cục IV (3).

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**

Nguyễn Văn Cường

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ,
QUYỀN HẠN TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;

Chính phủ ban hành Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, bao gồm:

- Điểm b khoản 2 Điều 31 về trình tự, thủ tục yêu cầu, thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai để phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập;
- Điều 35 Tài sản, thu nhập phải kê khai và Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập và việc thực hiện kê khai;
- Khoản 3 Điều 34, Điểm b khoản 3 Điều 36 về người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm;
- Khoản 1, 2 và 5 Điều 39 về thời điểm, hình thức và việc tổ chức công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

đ) Điểm d khoản 1 Điều 41 về tiêu chí lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được xác minh theo kế hoạch hằng năm và việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

e) Khoản 2 Điều 44 về trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm;

g) Điều 54 về bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

h) Điểm g, điểm h khoản 1 Điều 94 về xử lý kỷ luật đối với người vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình về biến động tài sản, thu nhập và nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; vi phạm quy định về thời hạn kê khai tài sản, thu nhập hoặc vi phạm quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Một số biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng về kiểm soát tài sản, thu nhập phù hợp với phân cấp quản lý cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam được quy định tại Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi là người có nghĩa vụ kê khai).

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kiểm soát tài sản, thu nhập là hoạt động do Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của pháp luật để biết rõ tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm của người có nghĩa vụ kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng.

2. Kê khai tài sản, thu nhập là việc ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác các loại tài sản, thu nhập, biến động tài sản, thu nhập phải kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm theo Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập là việc công bố bản kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là bản kê khai) theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 11, 12, 13 của Nghị định này.

4. Giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm là việc người có nghĩa vụ kê khai tự giải thích, chứng minh về việc hình thành tài sản, thu nhập tăng thêm so với lần kê khai liền trước đó.

5. Xác minh tài sản, thu nhập là việc kiểm tra, làm rõ nội dung kê khai và xem xét, đánh giá, kết luận của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai, và tính trung thực trong việc giải trình về biến động tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm và nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm.

6. Kê khai không trung thực là hành vi của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập dù biết rõ tài sản, thu nhập của mình, của vợ, chồng, con chưa thành niên phải kê khai nhưng đã không kê khai theo quy định.

7. Giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực là hành vi của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập đã cố ý kê khai không đúng sự thật về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

Điều 4. Nguyên tắc kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm minh bạch, khách quan, công bằng; được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; không xâm phạm quyền tài sản của người có nghĩa vụ kê khai.

2. Mọi vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập phải được xử lý nghiêm minh, kịp thời theo quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm việc sử dụng không đúng mục đích thông tin, dữ liệu trong kiểm soát tài sản, thu nhập.

3. Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát tài sản, thu nhập và xử lý hành vi kê khai, giải trình không trung thực phải căn cứ vào bản kê khai, thông tin do cơ quan, đơn vị, cá nhân cung cấp; việc giải trình và Kết luận xác minh được thực hiện theo Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 132/2025/QH15 và Nghị định này.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC YÊU CẦU VÀ CUNG CẤP

THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 5. Quyền yêu cầu, trách nhiệm và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin

1. Người có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập (sau đây gọi là người yêu cầu) để phục vụ việc theo dõi biến động tài sản, thu nhập, xây dựng kế hoạch xác minh và xác minh tài sản, thu nhập, bao gồm:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

b) Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập đối với cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập là Thanh tra Chính phủ, Bộ, Cơ quan ngang bộ.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin (sau đây gọi là người được yêu cầu) có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin theo yêu cầu của người yêu cầu và chịu trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp.

Điều 6. Việc yêu cầu cung cấp thông tin của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Việc yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện bằng văn bản.

2. Nội dung văn bản yêu cầu gồm có:

- a) Mục đích, căn cứ yêu cầu cung cấp thông tin;
- b) Những thông tin cần được cung cấp;
- c) Thời hạn cung cấp thông tin;
- d) Hướng dẫn việc cung cấp thông tin bằng văn bản, thông điệp dữ liệu;
- đ) Yêu cầu khác (nếu có).

3. Việc yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 7. Việc cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp theo yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp thông tin được yêu cầu cung cấp là thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn cung cấp thông tin là 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

2. Trong trường hợp vì lý do khách quan không thể cung cấp được thông tin hoặc cung cấp không đúng thời hạn thì người được yêu cầu phải có văn bản đề nghị người yêu cầu xem xét, giải quyết.

Người được yêu cầu phải chấp hành quyết định của người yêu cầu cung cấp thông tin.

Điều 8. Việc yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực ngoài nhà nước và cá nhân

1. Việc yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực ngoài nhà nước và cá nhân được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Nghị định này.

2. Việc yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Chương III

KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 9. Tài sản, thu nhập phải kê khai, Mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập

1. Tài sản, thu nhập phải kê khai là tài sản của người có nghĩa vụ kê khai, vợ (chồng) và con chưa thành niên của người có nghĩa vụ kê khai bao gồm:

- a) Quyền sử dụng đất;
- b) Nhà ở, công trình xây dựng;
- c) Tài sản khác gắn liền với đất;
- d) Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;
- đ) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền vay, tiền điện tử, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 150 triệu đồng trở lên (21);
- e) Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;
- g) Tài sản số, tài sản khác mà mỗi loại tài sản có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;
- h) Các khoản nợ;
- i) Tài sản ở nước ngoài;
- k) Tài khoản ở nước ngoài;
- l) Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.

2. Việc kê khai lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai bổ sung, kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Thanh tra Chính phủ tổ chức việc kê khai trên môi trường điện tử để bảo đảm thuận lợi cho việc lưu trữ, kiểm soát tài sản, thu nhập khi điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ được đáp ứng.

Điều 10. Người có nghĩa vụ kê khai hằng năm

Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng bao gồm:

1. Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương công tác tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp sở và tương đương, cấp cục và tương đương, Doanh nghiệp nhà nước ở các vị trí việc làm phụ trách trực tiếp công tác: tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.
2. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.

Chương IV

CÔNG KHAI BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 11. Việc công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Việc công khai bản kê khai đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như sau:

a) Bản kê khai của người giữ chức vụ Phó Tổng cục trưởng và tương đương trở lên công tác tại các cơ quan trung ương được niêm yết tại trụ sở bộ, cơ quan ngang bộ hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo từ cấp cục, vụ và tương đương trở lên;

Bản kê khai của người giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống được niêm yết tại đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo cấp phòng trở lên trong đơn vị, nơi không tổ chức đơn vị cấp phòng thì tại cuộc họp toàn thể đơn vị. Bản kê khai của những người khác được niêm yết tại phòng, ban, đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể công chức, viên chức thuộc phòng, ban, đơn vị; nếu biên chế của phòng, ban, đơn vị có từ 50 người trở lên và có tổ, đội, nhóm thì công khai trước toàn thể công chức, viên chức thuộc tổ, đội, nhóm;

b) Bản kê khai của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc công bố tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân.

Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc sở, ngành cấp tỉnh, được niêm yết tại trụ sở cơ quan hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc sở ngành.

Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã hoặc công khai tại cuộc họp toàn thể cán bộ, công chức cơ quan nơi người đó thường xuyên công tác;

c) Bản kê khai của những người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được niêm yết tại trụ sở doanh nghiệp nhà nước hoặc nơi có nghĩa vụ kê khai thường xuyên công tác hoặc công khai tại cuộc họp gồm Ủy viên Hội đồng thành viên, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các tổng công ty, công ty trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Trưởng các đoàn thể trong tập đoàn, tổng công ty nhà nước;

d) Bản kê khai của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được niêm yết hoặc công khai tại cuộc họp như được nêu tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Việc công khai bản kê khai tại cuộc họp đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

4. Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai.

Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và Thủ trưởng đơn vị tham mưu công tác kê khai tài sản, thu nhập hoặc đại diện tổ chức công đoàn (nếu có).

5. Cuộc họp công khai bản kê khai phải bảo đảm có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và Thủ trưởng đơn vị tham mưu công tác kê khai tài sản, thu nhập hoặc đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có).

6. Thanh tra Chính phủ tổ chức việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập trên môi trường điện tử thay thế cho việc công khai theo quy định tại khoản 1 Điều này khi điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ được đáp ứng.

Điều 12. Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

2. Trước khi lấy phiếu tín nhiệm, người chủ trì cuộc họp thực hiện việc công khai bản kê khai như sau:

- a) Đọc hoặc phân công người đọc bản kê khai phục vụ bổ nhiệm và Kết luận xác minh tài sản, thu nhập (nếu có).
 - b) Người kê khai có quyền giải thích các ý kiến nêu tại cuộc họp liên quan tới bản kê khai (nếu có).
3. Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập phải được ghi vào biên bản cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

Điều 13. Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước

- 1. Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp để bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.
- 2. Việc công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Chương V

XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP VÀ TIÊU CHÍ LỰA CHỌN NGƯỜI ĐƯỢC XÁC MINH THEO KẾ HOẠCH

Điều 14. Xây dựng kế hoạch xác minh hằng năm

- 1. Căn cứ xây dựng kế hoạch:
 - a) Tình hình tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng ở các ngành, lĩnh vực và địa phương;
 - b) Các yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong công tác phòng, chống tham nhũng;
 - c) Định hướng xây dựng kế hoạch xác minh do Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 31 tháng 10 hằng năm;
 - d) Khả năng, điều kiện thực hiện các mục tiêu xác minh quy định tại Điều 15 của Nghị định này.
- 2. Căn cứ vào khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chỉ đạo cơ quan thanh tra xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm; nơi không có cơ quan thanh tra thì chỉ đạo đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ hoặc đơn vị khác thực hiện.
- 3. Kế hoạch xác minh phải có các nội dung sau:
 - a) Mục đích, yêu cầu;

- b) Nội dung xác minh là các thông tin kê khai tại bản kê khai của năm xác minh so với các thông tin đã kê khai tại các bản kê khai của các năm trước;
- c) Số lượng và tên cơ quan, đơn vị được xác minh;
- d) Tổng số người được xác minh, số lượng người được xác minh phân bổ theo cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;
- đ) Việc tổ chức thực hiện kế hoạch xác minh, người được phân công chỉ đạo việc thực hiện, đơn vị được phân công tiến hành xác minh, nguồn lực để thực hiện xác minh.

Điều 15. Phê duyệt và thực hiện kế hoạch xác minh

1. Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng phê duyệt nội dung và ban hành kế hoạch xác minh hằng năm; Chánh thanh tra tỉnh ban hành kế hoạch xác minh hằng năm sau khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung kế hoạch.

2. Kế hoạch xác minh hằng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm số cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành xác minh tối thiểu bằng 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát của mình; riêng đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính phải bảo đảm tối thiểu bằng 10%.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kế hoạch xác minh được ban hành. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tổ chức lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh. Việc lựa chọn được thực hiện công khai bằng hình thức bốc thăm hoặc sử dụng phần mềm máy tính.

Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập mời đại diện Ủy ban kiểm tra Đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp dự và chứng kiến việc lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh.

Số lượng người được lựa chọn để xác minh ngẫu nhiên phải bảo đảm tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hằng năm tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác minh, trong đó có ít nhất 01 người là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Trong trường hợp số lượng người được xác minh tài sản, thu nhập lớn, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập triển khai công tác xác minh thành nhiều đợt. Việc phân chia các đợt xác minh, thời điểm thực hiện tương ứng được quy định cụ thể tại Kế hoạch xác minh được phê duyệt.

Điều 16. Tiêu chí lựa chọn người được xác minh theo kế hoạch

Việc lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai được xác minh theo kế hoạch hằng năm phải căn cứ vào các tiêu chí sau đây:

1. Người có nghĩa vụ kê khai là đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm.

2. Người có nghĩa vụ kê khai chưa được xác minh về tài sản, thu nhập trong thời gian 05 năm liền trước đó.
3. Người có nghĩa vụ kê khai không thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Người đang bị điều tra, truy tố, xét xử;
 - b) Người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận;
 - c) Người đang học tập, công tác ở nước ngoài từ 12 tháng trở lên;
 - d) Người đã có quyết định/thông báo nghỉ chế độ hưu trí theo quy định; người đã có quyết định/thông báo nghỉ việc theo quy định.
 - đ) Người không còn là đối tượng kiểm soát tài sản, thu nhập của cơ quan xác minh tài sản, thu nhập;
 - e) Người đang bị thanh tra, kiểm tra về kê khai tài sản, thu nhập.

Chương VI

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP

Mục 1

NGUYÊN TẮC XÁC MINH VÀ CÁC HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM TRONG HOẠT ĐỘNG XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 17. Nguyên tắc xác minh tài sản, thu nhập

1. Tuân theo pháp luật, chính xác, khách quan, dân chủ, công khai.
2. Không gây khó khăn, cản trở hoạt động bình thường của người được xác minh và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.
3. Việc xác minh phải có trọng tâm, trọng điểm.
4. Đảm bảo quyền được giải trình của người được xác minh.
5. Bảo vệ bí mật cho người cung cấp thông tin.

Điều 18. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quá trình xác minh tài sản, thu nhập để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho người được xác minh tài sản, thu nhập và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; lạm quyền trong quá trình tiến hành xác minh.
2. Xác minh những vấn đề, nội dung ngoài kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập đã được phê duyệt.

3. Cố ý không báo cáo Tổ trưởng Tổ xác minh, Người ra quyết định xác minh khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm; bao che cho người được xác minh tài sản, thu nhập; cố ý kết luận sai sự thật; kết luận, quyết định, xử lý trái pháp luật.

4. Đưa hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ trong hoạt động xác minh tài sản, thu nhập.

5. Tiết lộ thông tin, tài liệu trong quá trình xác minh tài sản, thu nhập.

6. Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động xác minh tài sản, thu nhập; tác động làm sai lệch kết quả xác minh tài sản, thu nhập.

7. Không cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cung cấp không kịp thời, không đầy đủ, không trung thực, thiếu chính xác; chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung xác minh tài sản, thu nhập.

8. Chống đối, cản trở, mua chuộc, đe dọa, trả thù, trù dập người xác minh tài sản, thu nhập; gây khó khăn cho hoạt động xác minh tài sản, thu nhập.

9. Phân biệt đối xử, trả thù, trù dập người cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập.

10. Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.

Mục 2

CHUẨN BỊ XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 19. Quyết định xác minh tài sản, thu nhập và gửi Quyết định xác minh tài sản, thu nhập

1. Người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập căn cứ vào Điều 41 và Điều 45 Luật Phòng, chống tham nhũng để ban hành quyết định xác minh tài sản, thu nhập.

2. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập gửi Quyết định xác minh tài sản, thu nhập tới Người được xác minh, cơ quan quản lý người được xác minh, người có thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản thu nhập trong trường hợp xác minh theo quy định tại Điều 42 Luật Phòng, chống tham nhũng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 20. Phê duyệt kế hoạch tiến hành xác minh tài sản, thu nhập

1. Tổ trưởng Tổ xác minh có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tiến hành xác minh tài sản, thu nhập với các nội dung: Mục đích, yêu cầu; phạm vi, nội dung, đối tượng, thời điểm, thời hạn xác minh; phương pháp tiến hành xác minh; tiến độ thực hiện, chế độ thông tin báo cáo; việc sử dụng phương tiện, kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết phục vụ hoạt động của Tổ xác minh.

Đối với việc xác minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng thì kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập còn phải căn cứ vào các quy định của pháp luật về tố cáo.

2. Tổ trưởng Tổ xác minh trình Người ra quyết định xác minh phê duyệt kế hoạch tiến hành xác minh trước khi ký ban hành. Thời gian xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến hành xác minh không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định xác minh.

3. Tổ trưởng Tổ xác minh tổ chức họp Tổ xác minh để phổ biến kế hoạch tiến hành xác minh, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi, thời điểm, thời hạn, thời gian, phương pháp tiến hành xác minh và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ xác minh.

Điều 21. Yêu cầu cung cấp tài liệu kiểm chứng và yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác minh

1. Căn cứ vào bản kê khai tài sản của người được xác minh, người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập hoặc Tổ trưởng Tổ xác minh có văn bản yêu cầu, đề nghị người được xác minh cung cấp tài liệu, giấy tờ kiểm chứng những thông tin đã ghi trong bản kê khai tài sản.

2. Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung xác minh.

3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành để phục vụ việc kiểm soát tài sản, thu nhập.

Mục 3

TIẾN HÀNH XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 22. Nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập và đánh giá các nội dung kê khai

Căn cứ vào bản kê khai tài sản, thu nhập, thông tin, tài liệu do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp và hồ sơ, tài liệu, thông tin, giải trình của người được xác minh:

1. Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập được giao nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập của người được xác minh xem xét các nội dung:

- a) Quyền sử dụng đất;
- b) Nhà ở, công trình xây dựng;
- c) Tài sản khác gắn liền với đất (cây lâu năm, rừng sx...);

d) Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;

đ) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ), gồm tiền mặt, cho vay, trả trước, tiền gửi mà tổng giá trị quy đổi từ 150 triệu đồng trở lên;

e) Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;

g) Tài sản khác có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;

h) Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;

i) Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (của người kê khai, của vợ/chồng và con chưa thành niên);

k) Biến động tài sản, thu nhập; giải trình biến động tài sản, thu nhập.

2. Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập được giao nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập đánh giá các nội dung kê khai

a) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với các hồ sơ, tài liệu, thông tin do người được xác minh cung cấp;

b) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với thông tin, tài liệu do các cơ quan có liên quan cung cấp;

c) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai trong bản kê khai tài sản, thu nhập;

d) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với giải trình của người được xác minh;

đ) Yếu tố lỗi của người được xác minh khi kê khai tài sản, thu nhập không phù hợp với thực tế;

e) Yếu tố lỗi của cơ quan quản lý người được xác minh trong việc hướng dẫn kê khai, rà soát, kiểm tra bản kê khai.

3. Đối với việc xác minh theo quy định tại điểm c, đ khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng thì Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập được giao nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập còn phải đối chiếu với nội dung tố cáo, nội dung yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 của Luật Phòng, chống tham nhũng; đánh giá nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc sai so với kết quả xác minh.

Điều 23. Yêu cầu giải trình, làm việc trực tiếp với người được xác minh tài sản, thu nhập

1. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập; thông tin, tài liệu của các cơ quan có liên quan cung cấp, trường hợp cần thiết, Tổ xác minh có văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình một, một số nội dung cụ thể liên quan đến nội dung kê khai.

2. Trường hợp nội dung giải trình của người kê khai chưa rõ, Tổ xác minh báo cáo, đề xuất Người ra quyết định xác minh cho phép làm việc trực tiếp với người được xác minh. Nội dung làm việc với người được xác minh phải được lập thành biên bản. Nếu thông tin, tài liệu được cung cấp chưa đầy đủ, việc giải trình chưa rõ thì Tổ xác minh yêu cầu người được xác minh tiếp tục cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ. Thời hạn cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ của người được xác minh không quá 10 ngày.

Điều 24. Xác minh thực tế

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, yêu cầu của việc xác minh hoặc chỉ đạo của Người ra quyết định xác minh, Tổ xác minh tiến hành xác minh thực tế ở những địa điểm cần thiết, làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thu thập, kiểm tra, xác định tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung xác minh.

2. Việc xác minh thực tế phải lập thành biên bản ghi đầy đủ kết quả xác minh, ý kiến của những người tham gia xác minh và những người khác có liên quan.

Điều 25. Gia hạn thời hạn xác minh

1. Việc gia hạn thời hạn xác minh được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Nội dung xác minh phức tạp, đặc biệt phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, địa bàn, lĩnh vực;

b) Cần lấy ý kiến chuyên môn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung xác minh;

c) Người được xác minh, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan không hợp tác, cản trở, chống đối, gây khó khăn cho hoạt động xác minh;

d) Có tình huống, sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện việc xác minh.

2. Việc gia hạn thời hạn xác minh do Người ra quyết định xác minh xem xét, quyết định. Tổ trưởng Tổ xác minh có văn bản gửi Người ra quyết định xác minh đề nghị gia hạn kèm theo dự thảo Quyết định gia hạn thời hạn xác minh; văn bản đề nghị phải nêu rõ lý do, thời gian gia hạn.

3. Quyết định gia hạn thời hạn xác minh được gửi cho Tổ xác minh, người được xác minh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 26. Báo cáo kết quả xác minh

1. Thành viên Tổ xác minh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ xác minh gửi Tổ trưởng Tổ xác minh theo tiến độ đã xác định trong Kế hoạch xác minh đã được phê duyệt.

2. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập; thông tin, tài liệu của các cơ quan có liên quan cung cấp; giải trình của người được xác minh; báo cáo của các thành viên Tổ xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh xây dựng Báo cáo kết quả xác minh gửi Người ra quyết định xác minh. Thời hạn báo cáo và nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 48 Luật Phòng, chống tham nhũng.

Mục 4

KẾT LUẬN XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP, GỬI VÀ CÔNG KHAI KẾT LUẬN XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 27. Xây dựng dự thảo Kết luận nội dung xác minh

1. Người ra quyết định xác minh xem xét, đánh giá các nội dung trong Báo cáo kết quả xác minh. Trường hợp cần phải làm rõ hoặc bổ sung thêm nội dung của Báo cáo kết quả xác minh, Người ra quyết định xác minh yêu cầu Tổ trưởng Tổ xác minh và các thành viên Tổ xác minh báo cáo hoặc tổ chức họp Tổ xác minh để nghe Tổ xác minh báo cáo trực tiếp.

2. Sau khi nhận được Báo cáo kết quả xác minh và báo cáo bổ sung (nếu có) của Tổ xác minh, Người ra quyết định xác minh chỉ đạo Tổ trưởng Tổ xác minh xây dựng dự thảo Kết luận xác minh. Quá trình xây dựng dự thảo Kết luận nội dung xác minh, Người ra quyết định xác minh có thể yêu cầu người được xác minh giải trình làm rõ thêm các nội dung có liên quan.

Điều 28. Kết luận xác minh tài sản, thu nhập

1. Căn cứ ý kiến chỉ đạo của người ra quyết định xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh hoàn thiện dự thảo Kết luận xác minh trình người ra quyết định xác minh duyệt, ký ban hành. Nội dung kết luận xác minh theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo Kết luận xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh phải ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.

Điều 29. Gửi và công khai kết luận xác minh tài sản, thu nhập

1. Kết luận xác minh được gửi cho người được xác minh, cơ quan quản lý người được xác minh, cơ quan, đơn vị người được xác minh công tác và được lưu trong Hồ sơ xác minh.

2. Công khai kết luận xác minh thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật phòng, chống tham nhũng. Việc công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan (hoặc nơi người được xác minh thường xuyên công tác) hoặc công khai tại

cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có người được xác minh tổ chức thực hiện theo Kết luận xác minh.

3. Đối với việc xác minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng thì Kết luận xác minh còn được gửi cho người tố cáo. Đối với việc xác minh theo quy định tại Điều 42 Luật Phòng, chống tham nhũng thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập gửi Kết luận xác minh hoặc gửi văn bản kèm Kết luận xác minh tới cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập.

Mục 5

HỒ SƠ XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 30. Trách nhiệm lập hồ sơ xác minh tài sản, thu nhập

1. Người ra quyết định xác minh có trách nhiệm chỉ đạo Tổ trưởng Tổ xác minh thực hiện việc lập hồ sơ xác minh; kiểm tra việc lập, bàn giao hồ sơ xác minh.

2. Tổ trưởng Tổ xác minh có trách nhiệm tổ chức việc lập hồ sơ xác minh; thành viên Tổ xác minh có trách nhiệm lập hồ sơ xác minh tài sản, thu nhập khi được Tổ trưởng Tổ xác minh phân công.

Điều 31. Thành phần hồ sơ xác minh

1. Quyết định xác minh tài sản, thu nhập.
2. Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập;
3. Bản sao Bản kê khai tài sản, thu nhập của người được xác minh.
4. Văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu; Văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình liên quan đến nội dung kê khai (nếu có).
5. Văn bản trả lời của các cơ quan cung cấp thông tin, tài liệu.
6. Văn bản giải trình của người được xác minh (nếu có);
7. Biên bản làm việc với người được xác minh (nếu có).
8. Quyết định gia hạn thời hạn xác minh (nếu có).
9. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Tổ xác minh.
10. Báo cáo kết quả xác minh của Tổ xác minh.
11. Kết luận xác minh.
12. Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 32. Nộp, lưu hồ sơ xác minh

1. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết luận xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh, chỉ đạo thành viên Tổ xác minh sắp xếp, thống kê theo mục lục hồ sơ và chuyển cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Việc quản lý, khai thác, sử dụng hồ sơ xác minh được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của cơ quan quản lý hồ sơ.

3. Thời hạn bảo quản hồ sơ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII

BẢO VỆ, LƯU TRỮ, KHAI THÁC, CUNG CẤP THÔNG TIN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 33. Nguyên tắc bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được lưu trữ đầy đủ, chính xác; khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; bảo đảm yêu cầu của việc kiểm soát tài sản, thu nhập, công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng và công tác quản lý cán bộ.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được bảo vệ nghiêm ngặt, an toàn theo quy định của pháp luật; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin; bảo đảm sự tương thích, an toàn, thông suốt trong toàn hệ thống các cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Điều 34. Trách nhiệm bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:

a) Xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

b) Tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

d) Thực hiện các biện pháp sao lưu, dự phòng để bảo đảm khả năng khắc phục sự cố, phục hồi dữ liệu;

đ) Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng để bảo đảm Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập hoạt động thường xuyên, ổn định.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Khoa học và công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Điều 35. Khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Thanh tra Chính phủ và các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia và các cơ quan, tổ chức khác theo quy định tại các điểm d, c, g, h và i khoản 1 Điều 42 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Thanh tra Chính phủ và các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân.

4. Việc cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập đối với người chịu sự kiểm soát của nhiều Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được thực hiện theo Quy chế phối hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định này.

Chương VIII

XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 36. Xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai

1. Người có nghĩa vụ kê khai mà kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản giảm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

2. Người có nghĩa vụ kê khai mà tẩu tán, che giấu tài sản, thu nhập, cản trở hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập, không nộp bản kê khai sau 02 lần được đôn đốc bằng văn bản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, bãi nhiệm, buộc thôi việc, giáng cấp bậc quân hàm, giáng cấp bậc hàm.

Điều 37. Xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không tổ chức việc kê khai, công khai bản kê khai, nộp bản kê khai thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo.
2. Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập có hành vi vi phạm trong việc tiếp nhận bản kê khai, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, tiến hành xác minh, kết luận xác minh, công khai kết quả xác minh thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo.
3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ, không kịp thời yêu cầu của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; vi phạm một hoặc một số hành vi bị nghiêm cấm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.
4. Các hành vi vi phạm quy định tại Điều 20, các khoản 1, 2 và 3 Điều này nếu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Việc xử lý kỷ luật người có hành vi vi phạm là cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.
2. Việc xử lý kỷ luật người có hành vi vi phạm làm việc trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân được thực hiện theo quy định về xử lý kỷ luật trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.
3. Việc xử lý kỷ luật người có hành vi vi phạm là thành viên, hội viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo quy định của tổ chức đó.

Điều 39. Công khai quyết định xử lý vi phạm

1. Quyết định kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập được niêm yết công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người bị xử lý kỷ luật thường xuyên làm việc trong thời gian 15 ngày.

Ngoài việc niêm yết công khai, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật có thể lựa chọn thực hiện thêm hình thức thông báo tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Nghị định này thay thế Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

Những trường hợp đã ban hành Quyết định xác minh trước thời điểm 01/7/2026 thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP để kết luận xác minh tài sản, thu nhập. Trường hợp bị kết luận kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì có thể vận dụng quy định của Nghị định này để xem xét xử lý cho phù hợp với tình hình thực tiễn theo hướng có lợi cho người được xác minh.

Điều 42. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, V.1 (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

NỘI DUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2020/NĐ-CP NGÀY 30/10/2020 VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN THU NHẬP CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Nghị định số 130/2020/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định (22/4)	THUYẾT MINH
Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập, của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị	Nghị định kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị	
Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;	Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 132/2025/QH15; Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ; Chính phủ ban hành Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Thực hiện theo mẫu văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới, văn bản quy phạm pháp luật thay thế tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng về kiểm soát tài sản, thu	Điều 1: Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng về kiểm soát tài sản, thu nhập	Thực hiện theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều

nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, bao gồm: a) Điểm b khoản 2 Điều 31 về trình tự, thủ tục yêu cầu, thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai để phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập; b) Điều 35 về Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập và việc thực hiện kê khai; c) Điểm b khoản 3 Điều 36 về người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm; d) Khoản 1, 2 và 5 Điều 39 về thời điểm, hình thức và việc tổ chức công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước; đ) Điểm d khoản 1 Điều 41 về tiêu chí lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được xác minh theo kế hoạch hằng năm và việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; e) Điều 54 về bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; g) Điểm g, điểm h khoản 1 Điều 94 về xử lý kỷ luật đối với người vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực	của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, bao gồm: a) Điểm b khoản 2 Điều 31 về trình tự, thủ tục yêu cầu, thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai để phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập. b) Điều 35 Tài sản, thu nhập phải kê khai và Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập và việc thực hiện kê khai; c) Khoản 3 Điều 24, Điểm b khoản 3 Điều 36 về người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm; d) Khoản 1, 2 và 5 Điều 39 về thời điểm, hình thức và việc tổ chức công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước; đ) Điểm d khoản 1 Điều 41 về tiêu chí lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được xác minh theo kế hoạch hằng năm và việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; e) Khoản 2 Điều 44 về trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm; g) Điều 54 về bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;	của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2025
--	--	---

trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; vi phạm quy định về thời hạn kê khai tài sản, thu nhập hoặc vi phạm quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập. 2. Một số biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng về kiểm soát tài sản, thu nhập phù hợp với phân cấp quản lý cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam được quy định tại Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng.	h) Điểm g, điểm h khoản 1 Điều 94 về xử lý kỷ luật đối với người vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình về biến động tài sản, thu nhập và nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; vi phạm quy định về thời hạn kê khai tài sản, thu nhập hoặc vi phạm quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập. 2. Một số biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng về kiểm soát tài sản, thu nhập phù hợp với phân cấp quản lý cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam được quy định tại Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng.	
Điều 2: Đối tượng áp dụng 1. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. 2. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi là người có nghĩa vụ kê khai). 3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập.	Không sửa đổi, bổ sung	
Điều 3: Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Kiểm soát tài sản, thu nhập là hoạt động do Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của pháp luật để biết rõ về tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm của người có nghĩa vụ kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát	Điều 3: Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Kiểm soát tài sản, thu nhập là hoạt động do Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của pháp luật để biết rõ tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm của người có nghĩa vụ kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn	Bổ sung cho phù hợp với thực tiễn để cho người kê khai dễ giải trình biến động tài sản

hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng. 2. kê khai tài sản, thu nhập là việc ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác các loại tài sản, thu nhập, biến động tài sản, thu nhập phải kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập là việc công bố bản kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là bản kê khai) theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 11, 12, 13 của Nghị định này. 4. Giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm là việc người có nghĩa vụ kê khai tự giải thích, chứng minh về việc hình thành tài sản, thu nhập tăng thêm so với lần kê khai liền trước đó. 5. Xác minh tài sản, thu nhập là việc kiểm tra, làm rõ nội dung kê khai và xem xét, đánh giá, kết luận của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai và tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.	hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng. 2. kê khai tài sản, thu nhập là việc ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác các loại tài sản, thu nhập, biến động tài sản, thu nhập phải kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm theo Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập là việc công bố bản kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là bản kê khai) theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 11, 12, 13 của Nghị định này. 4. Giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm là việc người có nghĩa vụ kê khai tự giải thích, chứng minh về việc hình thành tài sản, thu nhập tăng thêm so với lần kê khai liền trước đó. 5. Xác minh tài sản, thu nhập là việc kiểm tra, làm rõ nội dung kê khai và xem xét, đánh giá, kết luận của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai, và tính trung thực trong việc giải trình về biến động tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm và nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm. 6. kê khai không trung thực là hành vi của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập dù biết rõ tài sản, thu nhập của mình, của vợ, chồng, con chưa thành niên phải kê khai nhưng đã không kê khai theo quy định. 7. Giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực là hành vi của người có nghĩa vụ kê	
---	--	--

	khai tài sản, thu nhập đã cố ý kê khai không đúng sự thật về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.	
Điều 4: Nguyên tắc kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm minh bạch, khách quan, công bằng; được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; không xâm phạm quyền tài sản của người có nghĩa vụ kê khai. 2. Mọi vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập phải được xử lý nghiêm minh, kịp thời theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc sử dụng không đúng mục đích thông tin, dữ liệu trong kiểm soát tài sản, thu nhập. 3. Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát tài sản, thu nhập và xử lý hành vi kê khai, giải trình không trung thực phải căn cứ vào bản kê khai, việc giải trình và Kết luận xác minh được thực hiện theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định này.	Điều 4. Nguyên tắc kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm minh bạch, khách quan, công bằng; được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; không xâm phạm quyền tài sản của người có nghĩa vụ kê khai. 2. Mọi vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập phải được xử lý nghiêm minh, kịp thời theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc sử dụng không đúng mục đích thông tin, dữ liệu trong kiểm soát tài sản, thu nhập. 3. Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát tài sản, thu nhập và xử lý hành vi kê khai, giải trình không trung thực phải căn cứ vào bản kê khai, thông tin do cơ quan, đơn vị, cá nhân cung cấp; việc giải trình và Kết luận xác minh được thực hiện theo Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 132/2025/QH15 và Nghị định này.	Bổ sung cho phù hợp với thực tiễn hoạt động xác minh tài sản, thu nhập
Chương II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC YÊU CẦU VÀ THỰC HIỆN YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP	Chương II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC YÊU CẦU VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP	

Điều 5: Quyền yêu cầu, trách nhiệm thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin 1. Người có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập (sau đây gọi là người yêu cầu) để phục vụ việc theo dõi biến động tài sản, thu nhập, xây dựng kế hoạch xác minh và xác minh tài sản, thu nhập, bao gồm: a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; b) Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập. 2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin (sau đây gọi là người được yêu cầu) có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin theo yêu cầu của người yêu cầu và chịu trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp.	Điều 5. Quyền yêu cầu, trách nhiệm và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin 1. Người có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập (sau đây gọi là người yêu cầu) để phục vụ việc theo dõi biến động tài sản, thu nhập, xây dựng kế hoạch xác minh và xác minh tài sản, thu nhập, bao gồm: a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; b) Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập đối với cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập là Thanh tra Chính phủ, Bộ, Cơ quan ngang bộ. 2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin (sau đây gọi là người được yêu cầu) có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin theo yêu cầu của người yêu cầu và chịu trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp.	
Điều 6: Việc yêu cầu cung cấp thông tin của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Việc yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện bằng văn bản. 2. Nội dung văn bản yêu cầu gồm có: a) Mục đích, căn cứ yêu cầu cung cấp thông tin; b) Những thông tin cần được cung cấp; c) Thời hạn cung cấp thông tin;	Không sửa đổi, bổ sung	

d) Hướng dẫn việc cung cấp thông tin bằng văn bản, thông điệp dữ liệu; đ) Yêu cầu khác (nếu có). 3. Việc yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.		
Điều 7: Việc cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị 1. Thời hạn cung cấp thông tin: a) Người được yêu cầu phải thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu; b) Trong trường hợp thông tin được yêu cầu cung cấp là thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn cung cấp thông tin là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. 2. Trong trường hợp vì lý do khách quan không thể cung cấp được thông tin hoặc cung cấp không đúng thời hạn thì người được yêu cầu phải có văn bản đề nghị người yêu cầu xem xét, giải quyết. Người được yêu cầu phải chấp hành quyết định của người yêu cầu cung cấp thông tin.	Điều 7. Việc cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp theo yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp thông tin được yêu cầu cung cấp là thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn cung cấp thông tin là 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. 2. Trong trường hợp vì lý do khách quan không thể cung cấp được thông tin hoặc cung cấp không đúng thời hạn thì người được yêu cầu phải có văn bản đề nghị người yêu cầu xem xét, giải quyết. Người được yêu cầu phải chấp hành quyết định của người yêu cầu cung cấp thông tin.	Đơn giản hóa thủ tục cung cấp thông tin, tài liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị
Điều 8. Việc yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực ngoài nhà nước và cá nhân 1. Việc yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực ngoài	Không sửa đổi, bổ sung	

nhà nước và cá nhân được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Nghị định này. 2. Việc yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.		
Chương III KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP	Chương III KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP	
Điều 9. Mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập 1. Việc kê khai lần đầu, kê khai hằng năm và kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Việc kê khai bổ sung được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai bổ sung tại Phụ lục II được ban hành kèm theo Nghị định này.	Điều 9. Tài sản, thu nhập phải kê khai, Mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập 1. Tài sản, thu nhập phải kê khai là tài sản của người có nghĩa vụ kê khai, vợ (chồng) và con chưa thành niên của người có nghĩa vụ kê khai bao gồm: a) Quyền sử dụng đất; b) Nhà ở, công trình xây dựng; c) Tài sản khác gắn liền với đất; d) Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên; đ) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền vay, tiền điện tử, tiền cho vay, tiền vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 150 triệu đồng trở lên (21);	Hướng dẫn nội dung Luật giao về việc quy định rõ tài sản, thu nhập phải kê khai, Mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập; tạo căn cứ pháp lý cho việc xây dựng phần mềm kê khai tài sản, thu nhập trên phần mềm máy tính, điện thoại...

	e) Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên; f) Tài sản số, tài sản khác mà mỗi loại tài sản có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên; g) Các khoản nợ; h) Tài sản ở nước ngoài; i) Tài khoản ở nước ngoài; k) Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai. 2. Việc kê khai lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai bổ sung, kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Thanh tra Chính phủ tổ chức việc kê khai trên môi trường điện tử để bảo đảm thuận lợi cho việc lưu trữ, kiểm soát tài sản, thu nhập khi điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ được đáp ứng.	
Điều 10. Người có nghĩa vụ kê khai hằng năm Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng bao gồm: 1. Các ngạch công chức và chức danh sau đây: a) Chấp hành viên; b) Điều tra viên;	Điều 10. Người có nghĩa vụ kê khai hằng năm Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng bao gồm: 1. Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương công tác tại Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp sở và tương đương, cấp cục và tương đương, Doanh nghiệp nhà nước ở các vị trí việc làm phụ trách trực tiếp công tác: tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc	Sửa đổi cho phù hợp với tinh thần Luật giao và phù hợp với tình hình thực tiễn; kiểm soát tài sản, thu nhập có trọng tâm, trọng điểm

c) Kế toán viên; d) Kiểm lâm viên; đ) Kiểm sát viên; e) Kiểm soát viên ngân hàng; g) Kiểm soát viên thị trường; h) Kiểm toán viên; i) Kiểm tra viên của Đảng; k) Kiểm tra viên hải quan; l) Kiểm tra viên thuế; m) Thanh tra viên; n) Thẩm phán. 2. Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định này. 3. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân. 2. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.	
Chương IV CÔNG KHAI BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP	Chương IV CÔNG KHAI BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP	

Điều 11. Việc công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị 1. Việc công khai bản kê khai đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như sau: a) Bản kê khai của người giữ chức vụ Phó Tổng cục trưởng và tương đương trở lên công tác tại các cơ quan trung ương được niêm yết tại trụ sở bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo từ cấp cục, vụ và tương đương trở lên; Bản kê khai của người giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống được niêm yết tại đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo cấp phòng trở lên trong đơn vị, nơi không tổ chức đơn vị cấp phòng thì tại cuộc họp toàn thể đơn vị. Bản kê khai của những người khác được niêm yết tại phòng, ban, đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể công chức, viên chức thuộc phòng, ban, đơn vị; nếu biên chế của phòng, ban, đơn vị có từ 50 người trở lên và có tổ, đội, nhóm thì công khai trước toàn thể công chức, viên chức thuộc tổ, đội, nhóm; b) Bản kê khai của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc công bố tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân. Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc sở, ngành cấp tỉnh, phòng, ban cấp huyện được niêm yết	Điều 11. Việc công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị 1. Việc công khai bản kê khai đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như sau: a) Bản kê khai của người giữ chức vụ Phó Tổng cục trưởng và tương đương trở lên công tác tại các cơ quan trung ương được niêm yết tại trụ sở bộ, cơ quan ngang bộ hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo từ cấp cục, vụ và tương đương trở lên; Bản kê khai của người giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống được niêm yết tại đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo cấp phòng trở lên trong đơn vị, nơi không tổ chức đơn vị cấp phòng thì tại cuộc họp toàn thể đơn vị. Bản kê khai của những người khác được niêm yết tại phòng, ban, đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể công chức, viên chức thuộc phòng, ban, đơn vị; nếu biên chế của phòng, ban, đơn vị có từ 50 người trở lên và có tổ, đội, nhóm thì công khai trước toàn thể công chức, viên chức thuộc tổ, đội, nhóm; b) Bản kê khai của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc công bố tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân. Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc sở, ngành cấp tỉnh, được niêm yết tại trụ sở cơ quan hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc sở ngành.	Sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn khi không còn tổ chức công đoàn trong các cơ quan hành chính nhà nước; đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc công khai trên môi trường mạng khi điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin cho phép
---	---	--

tại trụ sở cơ quan hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức. Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã hoặc công khai tại cuộc họp gồm toàn thể cán bộ, công chức xã; c) Bản kê khai của những người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được niêm yết tại trụ sở doanh nghiệp nhà nước hoặc công khai tại cuộc họp gồm Ủy viên Hội đồng thành viên, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các tổng công ty, công ty trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Trưởng các đoàn thể trong tập đoàn, tổng công ty nhà nước; d) Bản kê khai của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được niêm yết hoặc công khai tại cuộc họp như được nêu tại các điểm a, b và c khoản này. 2. Việc công khai bản kê khai tại cuộc họp đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. 3. Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng	Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã hoặc công khai tại cuộc họp toàn thể cán bộ, công chức cơ quan nơi người đó thường xuyên công tác; c) Bản kê khai của những người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được niêm yết tại trụ sở doanh nghiệp nhà nước hoặc nơi người có nghĩa vụ kê khai thường xuyên công tác hoặc công khai tại cuộc họp gồm Ủy viên Hội đồng thành viên, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các tổng công ty, công ty trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Trưởng các đoàn thể trong tập đoàn, tổng công ty nhà nước; d) Bản kê khai của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được niêm yết hoặc công khai tại cuộc họp như được nêu tại các điểm a, b và c khoản này. 2. Việc công khai bản kê khai tại cuộc họp đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. 3. Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.	
---	---	--

người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. 4. Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai. Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn. 5. Cuộc họp công khai bản kê khai phải bảo đảm có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị.	4. Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai. Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và Thủ trưởng đơn vị tham mưu công tác kê khai tài sản, thu nhập hoặc đại diện tổ chức công đoàn (nếu có). 5. Cuộc họp công khai bản kê khai phải bảo đảm có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và Thủ trưởng đơn vị tham mưu công tác kê khai tài sản, thu nhập hoặc đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có). 6. Thanh tra Chính phủ tổ chức việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập trên môi trường điện tử thay thế cho việc công khai theo quy định tại khoản 1 Điều này khi điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ được đáp ứng.	
Điều 12. Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị 1. Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được công khai bao gồm bản kê khai lần đầu, bản kê khai phục vụ việc bổ nhiệm và bản kê khai hằng năm hoặc bản kê khai bổ sung liên trước đó.	Điều 12. Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị 1. Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm. 2. Trước khi lấy phiếu tín nhiệm, người chủ trì cuộc họp thực hiện việc công khai bản kê khai như sau:	sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn

Việc công khai được thực hiện bằng hình thức công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm. 2. Trước khi lấy phiếu tín nhiệm, người chủ trì cuộc họp thực hiện việc công khai bản kê khai như sau: a) Phát cho những người bỏ phiếu tín nhiệm bản sao của các bản kê khai nêu tại khoản 1 Điều này; b) Đọc hoặc phân công người đọc bản kê khai phục vụ bỏ phiếu và Kết luận xác minh tài sản, thu nhập (nếu có). Người kê khai có quyền giải thích các ý kiến nêu tại cuộc họp liên quan tới bản kê khai (nếu có). 3. Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập phải được ghi vào biên bản cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.	a) Đọc hoặc phân công người đọc bản kê khai phục vụ bỏ phiếu và Kết luận xác minh tài sản, thu nhập (nếu có). b) Người kê khai có quyền giải thích các ý kiến nêu tại cuộc họp liên quan tới bản kê khai (nếu có). 3. Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập phải được ghi vào biên bản cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.	
Điều 13. Công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước 1. Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bỏ phiếu hoặc tại cuộc họp để bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý. 2. Việc công khai bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm, bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.	Không sửa đổi, bổ sung	
Chương V	Chương V	

XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP	XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP VÀ TIÊU CHÍ LỰA CHỌN NGƯỜI ĐƯỢC XÁC MINH THEO KẾ HOẠCH	
Điều 14. Xây dựng kế hoạch xác minh hằng năm 1. Căn cứ xây dựng kế hoạch: a) Tình hình tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng ở các ngành, lĩnh vực và địa phương; b) Các yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong công tác phòng, chống tham nhũng; c) Định hướng xây dựng kế hoạch xác minh do Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 31 tháng 10 hằng năm; d) Khả năng, điều kiện thực hiện các mục tiêu xác minh quy định tại Điều 15 của Nghị định này. 2. Căn cứ vào khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chỉ đạo cơ quan thanh tra xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm; nơi không có cơ quan thanh tra thì chỉ đạo đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ thực hiện. 3. Kế hoạch xác minh phải có các nội dung sau: a) Mục đích, yêu cầu của kế hoạch xác minh; b) Số lượng và tên cơ quan, đơn vị được xác minh;	Điều 14. Xây dựng kế hoạch xác minh hằng năm 1. Căn cứ xây dựng kế hoạch: a) Tình hình tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng ở các ngành, lĩnh vực và địa phương; b) Các yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong công tác phòng, chống tham nhũng; c) Định hướng xây dựng kế hoạch xác minh do Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 31 tháng 10 hằng năm; d) Khả năng, điều kiện thực hiện các mục tiêu xác minh quy định tại Điều 15 của Nghị định này. 2. Căn cứ vào khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chỉ đạo cơ quan thanh tra xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm; nơi không có cơ quan thanh tra thì chỉ đạo đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ hoặc đơn vị khác thực hiện. 3. Kế hoạch xác minh phải có các nội dung sau: a) Mục đích, yêu cầu; b) Nội dung xác minh là các thông tin kê khai tại bản kê khai của năm xác minh so với các thông tin đã kê khai tại các bản kê khai của các năm trước;	Sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn, đặc biệt là: Nội dung xác minh là bản kê khai năm xác minh so với bản kê khai của năm liền trước

c) Tổng số người được xác minh, số lượng người được xác minh phân bổ theo cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; d) Việc tổ chức thực hiện kế hoạch xác minh, người được phân công chỉ đạo việc thực hiện, đơn vị được phân công tiến hành xác minh, nguồn lực để thực hiện xác minh.	c) Số lượng và tên cơ quan, đơn vị được xác minh; d) Tổng số người được xác minh, số lượng người được xác minh phân bổ theo cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đ) Việc tổ chức thực hiện kế hoạch xác minh, người được phân công chỉ đạo việc thực hiện, đơn vị được phân công tiến hành xác minh, nguồn lực để thực hiện xác minh.	
Điều 15. Phê duyệt và thực hiện kế hoạch xác minh 1. Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng phê duyệt nội dung và ban hành kế hoạch xác minh hằng năm; Chánh thanh tra tỉnh ban hành kế hoạch xác minh hằng năm sau khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung kế hoạch. 2. Kế hoạch xác minh hằng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm số cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành xác minh tối thiểu bằng 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát của mình; riêng đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính phải bảo đảm tối thiểu bằng 10%. 3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kế hoạch xác minh được ban hành, Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tổ chức lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh. Việc lựa chọn được thực hiện công khai bằng hình thức bốc thăm hoặc sử dụng phần mềm máy tính. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập mời đại diện Ủy ban kiểm tra Đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt	Điều 15. Phê duyệt và thực hiện kế hoạch xác minh 1. Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng phê duyệt nội dung và ban hành kế hoạch xác minh hằng năm; Chánh thanh tra tỉnh ban hành kế hoạch xác minh hằng năm sau khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung kế hoạch. 2. Kế hoạch xác minh hằng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm số cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành xác minh tối thiểu bằng 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát của mình; riêng đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính phải bảo đảm tối thiểu bằng 10%. 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kế hoạch xác minh được ban hành. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tổ chức lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh. Việc lựa chọn được thực hiện công khai bằng hình thức bốc thăm hoặc sử dụng phần mềm máy tính. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập mời đại diện Ủy ban kiểm tra Đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt	Sửa đổi, bổ sung tạo cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kiểm soát tài sản, thu nhập

Nam cùng cấp dự và chứng kiến việc lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh. Số lượng người được lựa chọn để xác minh ngẫu nhiên phải bảo đảm tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hằng năm tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác minh, trong đó có ít nhất 01 người là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Nam cùng cấp dự và chứng kiến việc lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh. Số lượng người được lựa chọn để xác minh ngẫu nhiên phải bảo đảm tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hằng năm tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác minh, trong đó có ít nhất 01 người là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. 4. Trong trường hợp số lượng người được xác minh tài sản, thu nhập lớn, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập triển khai công tác xác minh thành nhiều đợt. Việc phân chia các đợt xác minh, thời điểm thực hiện tương ứng được quy định cụ thể tại Kế hoạch xác minh được phê duyệt.	
Điều 16. Tiêu chí lựa chọn người được xác minh theo kế hoạch Việc lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai được xác minh theo kế hoạch hằng năm phải căn cứ vào các tiêu chí sau đây: 1. Người có nghĩa vụ kê khai là đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm. 2. Người có nghĩa vụ kê khai chưa được xác minh về tài sản, thu nhập trong thời gian 04 năm liền trước đó. 3. Người có nghĩa vụ kê khai không thuộc một trong các trường hợp sau: a) Người đang bị điều tra, truy tố, xét xử;	Điều 16. Tiêu chí lựa chọn người được xác minh theo kế hoạch Việc lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai được xác minh theo kế hoạch hằng năm phải căn cứ vào các tiêu chí sau đây: 1. Người có nghĩa vụ kê khai là đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm. 2. Người có nghĩa vụ kê khai chưa được xác minh về tài sản, thu nhập trong thời gian 05 năm liền trước đó. 3. Người có nghĩa vụ kê khai không thuộc một trong các trường hợp sau: a) Người đang bị điều tra, truy tố, xét xử;	Sửa đổi cho phù hợp với tỷ lệ lựa chọn sau năm lựa chọn ngẫu nhiên thì quay lại đơn vị ban đầu; không lựa chọn những người không còn là đối tượng kiểm soát tài sản, thu nhập

b) Người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận; c) Người đang học tập, công tác ở nước ngoài từ 12 tháng trở lên.	b) Người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận; c) Người đang học tập, công tác ở nước ngoài từ 12 tháng trở lên d) Người đã có quyết định/thông báo nghỉ chế độ hưu trí theo quy định; người đã có quyết định/thông báo nghỉ việc theo quy định. đ) Người không còn là đối tượng kiểm soát tài sản, thu nhập của cơ quan xác minh tài sản, thu nhập; e) Người đang bị thanh tra, kiểm tra về kê khai tài sản, thu nhập.	
	Chương VI TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP	Bổ sung quy định mới về trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập; quy định này được xây dựng từ tổng kết thực tiễn công tác xác minh tài sản, thu nhập thời gian qua
	Mục 1 NGUYÊN TẮC XÁC MINH VÀ CÁC HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM TRONG HOẠT ĐỘNG XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP	
	Điều 17. Nguyên tắc xác minh tài sản, thu nhập 1. Tuân theo pháp luật, chính xác, khách quan, dân chủ, công khai.	

	2. Không gây khó khăn, cản trở hoạt động bình thường của người được xác minh và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. 3. Việc xác minh phải có trọng tâm, trọng điểm. 4. Đảm bảo quyền được giải trình của người được xác minh. 5. Bảo vệ bí mật cho người cung cấp thông tin.	
	Điều 18. Các hành vi bị nghiêm cấm 1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quá trình xác minh tài sản, thu nhập để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho người được xác minh tài sản, thu nhập và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; lạm quyền trong quá trình tiến hành xác minh. 2. Xác minh những vấn đề, nội dung ngoài kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập đã được phê duyệt. 3. Cố ý không báo cáo Tổ trưởng Tổ xác minh, Người ra quyết định xác minh khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm; bao che cho người được xác minh tài sản, thu nhập; cố ý kết luận sai sự thật; kết luận, quyết định, xử lý trái pháp luật. 4. Đưa hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ trong hoạt động xác minh tài sản, thu nhập. 5. Tiết lộ thông tin, tài liệu trong quá xác minh tài sản, thu nhập.	

	6. Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động xác minh tài sản, thu nhập; tác động làm sai lệch kết quả xác minh tài sản, thu nhập. 7. Không cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cung cấp không kịp thời, không đầy đủ, không trung thực, thiếu chính xác; chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung xác minh tài sản, thu nhập. 8. Chống đối, cản trở, mua chuộc, đe dọa, trả thù, trù dập người xác minh tài sản, thu nhập; gây khó khăn cho hoạt động xác minh tài sản, thu nhập. 9. Phân biệt đối xử, trả thù, trù dập người cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập. 10. Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.	
	Mục 2 CHUẨN BỊ XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP	
	Điều 19. Quyết định xác minh tài sản, thu nhập và gửi Quyết định xác minh tài sản, thu nhập 1. Người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập căn cứ vào Điều 41 và Điều 45 Luật Phòng, chống tham nhũng để ban hành quyết định xác minh tài sản, thu nhập. 2. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập gửi Quyết định xác minh tài sản, thu nhập tới Người được xác minh, cơ quan quản lý người được xác minh, người có thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản thu nhập trong trường hợp xác minh theo quy định	

	tại Điều 42 Luật Phòng, chống tham nhũng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	
	Điều 20. Phê duyệt kế hoạch tiến hành xác minh tài sản, thu nhập 1. Tổ trưởng Tổ xác minh có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tiến hành xác minh tài sản, thu nhập với các nội dung: Mục đích, yêu cầu; phạm vi, nội dung, đối tượng, thời điểm, thời hạn xác minh; phương pháp tiến hành xác minh; tiến độ thực hiện, chế độ thông tin báo cáo; việc sử dụng phương tiện, kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết phục vụ hoạt động của Tổ xác minh. Đối với việc xác minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng thì kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập còn phải căn cứ vào các quy định của pháp luật về tố cáo. 2. Tổ trưởng Tổ xác minh trình Người ra quyết định xác minh phê duyệt kế hoạch tiến hành xác minh trước khi ký ban hành. Thời gian xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến hành xác minh không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định xác minh. 3. Tổ trưởng Tổ xác minh tổ chức họp Tổ xác minh để phổ biến kế hoạch tiến hành xác minh, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi, thời điểm, thời hạn, thời gian, phương pháp tiến hành xác minh và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ xác minh.	
	Điều 21. Yêu cầu cung cấp tài liệu kiểm chứng và yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác minh 1. Căn cứ vào bản kê khai tài sản của người được xác minh, người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan	

	kiểm soát tài sản, thu nhập hoặc Tổ trưởng Tổ xác minh có văn bản yêu cầu, đề nghị người được xác minh cung cấp tài liệu, giấy tờ kiểm chứng những thông tin đã ghi trong bản kê khai tài sản. 2. Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung xác minh. 3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành để phục vụ việc kiểm soát tài sản, thu nhập.	
	Mục 3 TIẾN HÀNH XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP	
	Điều 22. Nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập và đánh giá các nội dung kê khai Căn cứ vào bản kê khai tài sản, thu nhập, thông tin, tài liệu do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp và hồ sơ, tài liệu, thông tin, giải trình của người được xác minh: 1. Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập được giao nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập của người được xác minh xem xét các nội dung: a) Quyền sử dụng đất; b) Nhà ở, công trình xây dựng;	

	c) Tài sản khác gắn liền với đất (cây lâu năm, rừng sx...); d) Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên; đ) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ), gồm tiền mặt, cho vay, trả trước, tiền gửi mà tổng giá trị quy đổi từ 150 triệu đồng trở lên; e) Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên; g) Tài sản khác có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên; h) Tài sản, tài khoản ở nước ngoài; i) Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (của người kê khai, của vợ/chồng và con chưa thành niên); k) Biến động tài sản, thu nhập; giải trình biến động tài sản, thu nhập. 2. Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập được giao nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập đánh giá các nội dung kê khai a) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với các hồ sơ, tài liệu, thông tin do người được xác minh cung cấp; b) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với thông tin, tài liệu do các cơ quan có liên quan cung cấp; c) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai trong bản kê khai tài sản, thu nhập;	
--	---	--

	d) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với giải trình của người được xác minh; đ) Yếu tố lỗi của người được xác minh khi kê khai tài sản, thu nhập không phù hợp với thực tế; e) Yếu tố lỗi của cơ quan quản lý người được xác minh trong việc hướng dẫn kê khai, rà soát, kiểm tra bản kê khai. 3. Đối với việc xác minh theo quy định tại điểm c, đ khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng thì Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập được giao nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập còn phải đối chiếu với nội dung tố cáo, nội dung yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 của Luật Phòng, chống tham nhũng; đánh giá nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc sai so với kết quả xác minh.	
	Điều 23. Yêu cầu giải trình, làm việc trực tiếp với người được xác minh tài sản, thu nhập 1. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập; thông tin, tài liệu của các cơ quan có liên quan cung cấp, trường hợp cần thiết, Tổ xác minh có văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình một, một số nội dung cụ thể liên quan đến nội dung kê khai. 2. Trường hợp nội dung giải trình của người kê khai chưa rõ, Tổ xác minh báo cáo, đề xuất Người ra quyết định xác minh cho phép làm việc trực tiếp với người được xác minh. Nội dung làm việc với người được xác minh phải được lập thành biên bản. Nếu thông tin, tài liệu được cung cấp chưa đầy đủ, việc giải trình chưa rõ thì Tổ xác minh yêu cầu người được xác minh tiếp tục cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ. Thời hạn cung cấp	

	thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ của người được xác minh không quá 10 ngày.	
	Điều 24. Xác minh thực tế 1. Căn cứ vào tình hình thực tế, yêu cầu của việc xác minh hoặc chỉ đạo của Người ra quyết định xác minh, Tổ xác minh tiến hành xác minh thực tế ở những địa điểm cần thiết, làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thu thập, kiểm tra, xác định tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung xác minh. 2. Việc xác minh thực tế phải lập thành biên bản ghi đầy đủ kết quả xác minh, ý kiến của những người tham gia xác minh và những người khác có liên quan.	
	Điều 25. Gia hạn thời hạn xác minh 1. Việc gia hạn thời hạn xác minh được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Nội dung xác minh phức tạp, đặc biệt phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, địa bàn, lĩnh vực; b) Cần lấy ý kiến chuyên môn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung xác minh; c) Người được xác minh, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan không hợp tác, cản trở, chống đối, gây khó khăn cho hoạt động xác minh; d) Có tình huống, sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện việc xác minh.	

	2. Việc gia hạn thời hạn xác minh do Người ra quyết định xác minh xem xét, quyết định. Tổ trưởng Tổ xác minh có văn bản gửi Người ra quyết định xác minh đề nghị gia hạn kèm theo dự thảo Quyết định gia hạn thời hạn xác minh; văn bản đề nghị phải nêu rõ lý do, thời gian gia hạn. 3. Quyết định gia hạn thời hạn xác minh được gửi cho Tổ xác minh, người được xác minh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.	
	Điều 26. Báo cáo kết quả xác minh 1. Thành viên Tổ xác minh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ xác minh gửi Tổ trưởng Tổ xác minh theo tiến độ đã xác định trong Kế hoạch xác minh đã được phê duyệt. 2. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập; thông tin, tài liệu của các cơ quan có liên quan cung cấp; giải trình của người được xác minh; báo cáo của các thành viên Tổ xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh xây dựng Báo cáo kết quả xác minh gửi Người ra quyết định xác minh. Thời hạn báo cáo và nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 48 Luật Phòng, chống tham nhũng.	
	Mục 4 KẾT LUẬN XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP, GỬI VÀ CÔNG KHAI KẾT LUẬN XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP	
	Điều 27. Xây dựng dự thảo Kết luận nội dung xác minh 1. Người ra quyết định xác minh xem xét, đánh giá các nội dung trong Báo cáo kết quả xác minh. Trường hợp cần phải làm rõ hoặc bổ sung thêm nội dung của Báo cáo kết quả xác minh, Người ra quyết định xác minh yêu cầu Tổ trưởng	

	Tổ xác minh và các thành viên Tổ xác minh báo cáo hoặc tổ chức họp Tổ xác minh để nghe Tổ xác minh báo cáo trực tiếp. 2. Sau khi nhận được Báo cáo kết quả xác minh và báo cáo bổ sung (nếu có) của Tổ xác minh, Người ra quyết định xác minh chỉ đạo Tổ trưởng Tổ xác minh xây dựng dự thảo Kết luận xác minh. Quá trình xây dựng dự thảo Kết luận nội dung xác minh, Người ra quyết định xác minh có thể yêu cầu người được xác minh giải trình làm rõ thêm các nội dung có liên quan.	
	Điều 28. Kết luận xác minh tài sản, thu nhập 1. Căn cứ ý kiến chỉ đạo của người ra quyết định xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh hoàn thiện dự thảo Kết luận xác minh trình người ra quyết định xác minh duyệt, ký ban hành. Nội dung kết luận xác minh theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Phòng, chống tham nhũng. 2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo Kết luận xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh phải ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.	
	Điều 29. Gửi và công khai kết luận xác minh, tài sản, thu nhập 1. Kết luận xác minh được gửi cho người được xác minh, cơ quan quản lý người được xác minh, cơ quan, đơn vị người được xác minh công tác và được lưu trong Hồ sơ xác minh. 2. Công khai kết luận xác minh thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật phòng, chống tham nhũng. Việc công khai	

	bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan (hoặc nơi người được xác minh thường xuyên công tác) hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có người được xác minh tổ chức thực hiện theo Kết luận xác minh. 3. Đối với việc xác minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng thì Kết luận xác minh còn được gửi cho người tố cáo. Đối với việc xác minh theo quy định tại Điều 42 Luật Phòng, chống tham nhũng thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập gửi Kết luận xác minh hoặc gửi văn bản kèm Kết luận xác minh tới cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập.	
	Mục 5 HỒ SƠ XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP	
	Điều 30. Trách nhiệm lập hồ sơ xác minh tài sản, thu nhập 1. Người ra quyết định xác minh có trách nhiệm chỉ đạo Tổ trưởng Tổ xác minh thực hiện việc lập hồ sơ xác minh; kiểm tra việc lập, bàn giao hồ sơ xác minh. 2. Tổ trưởng Tổ xác minh có trách nhiệm tổ chức việc lập hồ sơ xác minh; thành viên Tổ xác minh có trách nhiệm lập hồ sơ xác minh tài sản, thu nhập khi được Tổ trưởng Tổ xác minh phân công.	
	Điều 31. Thành phần hồ sơ xác minh 1. Quyết định xác minh tài sản, thu nhập.	

	2. Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập; 3. Bản sao Bản kê khai tài sản, thu nhập của người được xác minh. 4. Văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu; Văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình liên quan đến nội dung kê khai (nếu có). 5. Văn bản trả lời của các cơ quan cung cấp thông tin, tài liệu. 6. Văn bản giải trình của người được xác minh (nếu có); 7. Biên bản làm việc với người được xác minh (nếu có). 8. Quyết định gia hạn thời hạn xác minh (nếu có). 9. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Tổ xác minh. 10. Báo cáo kết quả xác minh của Tổ xác minh. 11. Kết luận xác minh. 12. Tài liệu khác có liên quan (nếu có).	
	Điều 32. Nộp, lưu hồ sơ xác minh 1. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết luận xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh, chỉ đạo thành viên Tổ xác minh sắp xếp, thống kê theo mục lục hồ sơ và chuyển cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.	

	2. Việc quản lý, khai thác, sử dụng hồ sơ xác minh được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của cơ quan quản lý hồ sơ. 3. Thời hạn bảo quản hồ sơ được thực hiện theo quy định của pháp luật.	
Chương VI BẢO VỆ, LƯU TRỮ, KHAI THÁC, CUNG CẤP THÔNG TIN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP	Chương VII BẢO VỆ, LƯU TRỮ, KHAI THÁC, CUNG CẤP THÔNG TIN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP	
Điều 17. Nguyên tắc bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được lưu trữ đầy đủ, chính xác; khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; bảo đảm yêu cầu của việc kiểm soát tài sản, thu nhập, công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng và công tác quản lý cán bộ. 2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được bảo vệ nghiêm ngặt, an toàn theo quy định của pháp luật; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin; bảo đảm sự tương thích, an toàn, thông suốt trong toàn hệ thống các cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập.	Điều 33. Nguyên tắc bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được lưu trữ đầy đủ, chính xác; khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; bảo đảm yêu cầu của việc kiểm soát tài sản, thu nhập, công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng và công tác quản lý cán bộ. 2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được bảo vệ nghiêm ngặt, an toàn theo quy định của pháp luật; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin; bảo đảm sự tương thích, an toàn, thông suốt trong toàn hệ thống các cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập.	
Điều 18. Trách nhiệm bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:	Điều 34. Trách nhiệm bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:	Sửa đổi cho phù hợp với tên gọi của các bộ sau sắp xếp, sáp nhập

a) Xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; b) Tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; c) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; d) Thực hiện các biện pháp sao lưu, dự phòng để bảo đảm khả năng khắc phục sự cố, phục hồi dữ liệu; đ) Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng để bảo đảm Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập hoạt động thường xuyên, ổn định. 2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.	a) Xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; b) Tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; c) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; d) Thực hiện các biện pháp sao lưu, dự phòng để bảo đảm khả năng khắc phục sự cố, phục hồi dữ liệu; đ) Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng để bảo đảm Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập hoạt động thường xuyên, ổn định. 2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Khoa học và công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.	
Điều 19. Khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Thanh tra Chính phủ và các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia và các cơ quan, tổ chức khác theo quy định tại các	Điều 35. Khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Thanh tra Chính phủ và các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia và các cơ quan, tổ chức khác theo quy định tại các điểm d, c, g, h và i khoản 1 Điều 42 của Luật Phòng, chống tham nhũng.	

điểm đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 42 của Luật Phòng, chống tham nhũng. 2. Thanh tra Chính phủ và các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội. 3. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân. 4. Việc cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập đối với người chịu sự kiểm soát của nhiều Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được thực hiện theo Quy chế phối hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định này.	2. Thanh tra Chính phủ và các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội. 3. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân. 4. Việc cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập đối với người chịu sự kiểm soát của nhiều Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được thực hiện theo Quy chế phối hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định này.	
Chương VII XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN THU NHẬP	Chương VIII XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP	
Điều 20. Xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai 1. Người có nghĩa vụ kê khai mà kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý theo quy định tại Điều 51 của Luật Phòng, chống tham nhũng.	Điều 36. Xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai 1. Người có nghĩa vụ kê khai mà kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản giảm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống tham nhũng

2. Người có nghĩa vụ kê khai mà tẩu tán, che giấu tài sản, thu nhập, cản trở hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập, không nộp bản kê khai sau 02 lần được đôn đốc bằng văn bản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, bãi nhiệm, buộc thôi việc, giáng cấp bậc quân hàm, giáng cấp bậc hàm.	2. Người có nghĩa vụ kê khai mà tẩu tán, che giấu tài sản, thu nhập, cản trở hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập, không nộp bản kê khai sau 02 lần được đôn đốc bằng văn bản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, bãi nhiệm, buộc thôi việc, giáng cấp bậc quân hàm, giáng cấp bậc hàm.	
Điều 21. Xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thiếu trách nhiệm trong tổ chức việc kê khai, công khai bản kê khai, nộp bản kê khai thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức. 2. Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập có hành vi vi phạm trong việc tiếp nhận bản kê khai, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, tiến hành xác minh, kết luận xác minh, công khai kết quả xác minh thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức. 3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ, không kịp thời yêu cầu của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật. 4. Các hành vi vi phạm quy định tại Điều 20, các khoản 1, 2 và 3 Điều này nếu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.	Điều 37. Xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không tổ chức việc kê khai, công khai bản kê khai, nộp bản kê khai thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo. 2. Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập có hành vi vi phạm trong việc tiếp nhận bản kê khai, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, tiến hành xác minh, kết luận xác minh, công khai kết quả xác minh thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo. 3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ, không kịp thời yêu cầu của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; vi phạm một hoặc một số hành vi bị nghiêm cấm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật. 4. Các hành vi vi phạm quy định tại Điều 20, các khoản 1, 2 và 3 Điều này nếu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật	Sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn

Điều 22. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Việc xử lý kỷ luật người có hành vi vi phạm là cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. 2. Việc xử lý kỷ luật người có hành vi vi phạm làm việc trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân được thực hiện theo quy định về xử lý kỷ luật trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân. 3. Việc xử lý kỷ luật người có hành vi vi phạm là thành viên, hội viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo quy định của tổ chức đó.	Điều 38. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Việc xử lý kỷ luật người có hành vi vi phạm là cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. 2. Việc xử lý kỷ luật người có hành vi vi phạm làm việc trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân được thực hiện theo quy định về xử lý kỷ luật trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân. 3. Việc xử lý kỷ luật người có hành vi vi phạm là thành viên, hội viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo quy định của tổ chức đó.	
Điều 23. Công khai quyết định xử lý vi phạm 1. Quyết định kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập được niêm yết công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người bị xử lý kỷ luật thường xuyên làm việc trong thời gian 15 ngày. Ngoài việc niêm yết công khai, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật có thể lựa chọn thực hiện thêm hình thức thông báo tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 2. Việc xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm khác về	Điều 39. Công khai quyết định xử lý vi phạm 1. Quyết định kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập được niêm yết công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người bị xử lý kỷ luật thường xuyên làm việc trong thời gian 15 ngày. Ngoài việc niêm yết công khai, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật có thể lựa chọn thực hiện thêm hình thức thông báo tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 2. Việc xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được công khai theo quy định của pháp luật.	

kiểm soát tài sản, thu nhập phải được công khai theo quy định của pháp luật.		
Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 24. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2020. Bãi bỏ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập	Điều 40. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Nghị định này thay thế Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Sửa đổi cho phù hợp với thời điểm Luật có hiệu lực
	Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp Những trường hợp đã ban hành Quyết định xác minh trước thời điểm 01/7/2026 thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP để kết luận xác minh tài sản, thu nhập. Trường hợp bị kết luận kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì có thể vận dụng quy định của Nghị định này để xem xét xử lý cho phù hợp với tình hình thực tiễn theo hướng có lợi cho người được xác minh.	
Điều 25. Trách nhiệm thi hành Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ	Điều 42. Trách nhiệm thi hành Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn	

chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này./.	vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này./.	
---	---	--

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN
GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THỂ NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2020/NĐ-CP VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP
CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ.**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan lập cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự án, dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Có 30 cơ quan, đơn vị đã gửi ý kiến góp ý, bao gồm: 19/34 tỉnh thành; 8/17 Bộ và cơ quan ngang bộ và 3 cơ quan (UB Pháp luật và Tư pháp, Văn phòng Quốc hội, Viện kiểm soát Nhân dân tối cao). Trong đó, 05 cơ quan, địa phương thống nhất ý kiến: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cà Mau, Đà Nẵng, Đồng Nai, Vĩnh Long; còn lại cơ bản thống nhất và có một số góp ý cụ thể.

STT	Nội dung dự thảo Nghị định	Chủ thể góp ý	Đề xuất, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
A	Góp ý chung về kết cấu, thể thức trình bày Dự thảo Nghị định	Tỉnh Bắc Ninh	1. Đề nghị bổ sung thêm Phụ lục mẫu văn bản trong hoạt động xác minh tài sản thu nhập, nhằm áp dụng đồng bộ thống nhất.	Mẫu văn bản trong hoạt động xác minh là cần thiết, nhưng trong bối cảnh thời gian xây dựng Nghị định gấp, để bảo đảm tiến độ ban hành Nghị định Thanh tra Chính phủ xin tiếp thu vào dự thảo Nghị định theo hướng Chính phủ giao Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư mẫu văn bản trong hoạt động xác minh.
		Bộ Y tế	2. Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, trình bày dự thảo đảm bảo đúng quy định của Chính phủ về thể thức văn bản.	Thanh tra Chính phủ đã tiếp thu vào Dự thảo Nghị định tại phần căn cứ ban hành Nghị định và dự thảo Tờ trình
A1	Nhóm quy định về kê khai tài sản, thu nhập (đối tượng, phạm vi, phương thức kê khai)			
		Bộ Công An	3. Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bổ sung quy định rõ đối với trường hợp kê khai bổ sung (không thuộc diện kê khai hằng năm) theo hướng Tính tổng thu nhập từ 1.000.000.000 đồng trở lên theo luật định (sau khi đã trừ chi phí ăn uống, điện, nước, đi lại, giáo dục,	Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật PCTN thì: Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có

			nuôi con nhỏ... gọi chung là chi phí sinh hoạt) mới phải kê khai bổ sung. Đồng thời hướng dẫn đối với trường hợp người thuộc diện kê khai bổ sung (không thuộc diện kê khai hằng năm), trong năm có phát sinh vay để trả nợ số tiền từ 1.000.000.000 đồng trở lên, không phát sinh thêm tài sản thì có phải kê khai bổ sung hay không?	nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên. Nếu tiếp thu ý kiến của Bộ Công an thì có thể nội dung hướng dẫn tại Nghị định không đúng tinh thần của Luật. Việc có một khoản nợ, phát sinh khoản vay để trả nợ mà số nợ không đổi thì không phải kê khai.
		Tỉnh Khánh Hoà	4. Đề nghị giải thích rõ khái niệm “loại tài sản” được quy định tại dự thảo Nghị định (như tại điểm f khoản 1 Điều 9). Vì trong thực tế triển khai Nghị định 130/2020/NĐ-CP, rất nhiều trường hợp hiểu chưa đúng giữa “tài sản” và “loại tài sản” nên kê khai không đúng.	Loại tài sản là tài sản có cùng tính chất ví dụ xe máy (có thể các hãng khác nhau nhưng đều gắn động cơ); vàng (có nhiều nhãn vàng, vòng vàng nhưng có thể quy đổi ra thành chỉ vàng)...
		Tỉnh Khánh Hoà	5. Tại điểm i khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định TSTN kê khai là “<i>Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai</i>”. Tuy nhiên tại Phần C Phụ lục mẫu bản kê khai TSTN đính kèm lại ghi là “<i>Tổng thu nhập trong kỳ kê khai</i>”. Do vậy đề nghị quy định thống nhất. 6. Ngoài ra, trong thực tế có những trường hợp kê khai bổ sung, việc xác định “tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai” gặp nhiều khó khăn do thời gian kê khai giữa 2 lần quá xa, nên người kê khai không thể nhớ để kê khai chính xác. Ví dụ: công chức A kê khai bổ sung năm 2021, đến 2026 thuộc đối tượng kê khai hàng năm. Như vậy, tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai được hiểu là từ lần kê khai trước đó (năm 2021) đến lần kê khai này (2026).	Xin được tiếp thu, giải trình ở phần Mẫu bản kê khai Nội dung này đã được Luật Phòng, chống tham nhũng quy định nên Nghị định không thể quy định trái Luật.
A2	Nhóm quy định về cơ quan kiểm soát, đối tượng xác minh và thẩm quyền			
		Bộ Quốc phòng	7. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định cụ thể về thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên theo Quy định số 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật của Đảng.	Phạm vi điều chỉnh của Nghị định tập trung vào những nội dung Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, việc quy định thẩm quyền của Ủy ban kiểm tra không thuộc thẩm quyền của Chính phủ

		Tỉnh Khánh Hoà	8. Đề nghị bổ sung tại dự thảo Nghị định quy định cụ thể Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên được nêu tại khoản 7 Điều 1 Luật số 132/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống tham nhũng; để có căn cứ xác định chính xác đối tượng thuộc cơ quan kiểm soát TSTN.	Phạm vi điều chỉnh của Nghị định tập trung vào những nội dung Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, việc quy định thẩm quyền của Ủy ban kiểm tra không thuộc thẩm quyền của Chính phủ
		Bộ Tài chính	9. Về đơn vị và người có nghĩa vụ kê khai và xác minh tài sản, thu nhập a) Tại Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 quy định doanh nghiệp nhà nước thuộc diện xác minh tài sản. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã chỉnh sửa, thay thế để làm rõ là “doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”. Để đảm bảo sự phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và kế thừa nội dung tại Luật phòng chống tham nhũng năm 2018, đề nghị cập nhật bổ sung cụm từ nêu trên đối với doanh nghiệp nhà nước. b) Về đơn vị và người được xác minh tài sản thu nhập: - Đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được quy định như sau: Trưởng phòng và tương đương trở lên thuộc Doanh nghiệp nhà nước (trừ đối tượng là người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ), hiện nay chưa có các quy định về chức danh tương đương giữa các tập đoàn, tổng công ty với các cơ quan hành chính hoặc hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo. Qua trao đổi, thực tế một số đơn vị không thực hiện bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo cấp phòng thuộc ban thuộc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mà chỉ làm thông báo phân công nhiệm vụ (không có quyết định bổ nhiệm). - Ngoài ra, về tổ chức bộ máy có một số các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (công ty mẹ là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) hoặc doanh nghiệp liên kết có vốn của công ty mẹ (công ty mẹ là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ): Mặc dù các đơn vị này là do công	Điểm a, khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng đã quy định: Thay thế cụm từ “doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ” bằng cụm từ “doanh nghiệp nhà nước” tại các điều 20, 39 và 61. Như vậy, Luật đã sửa đổi nội dung này tại Luật Doanh nghiệp năm 2020. Tại điểm b khoản 3 Điều 36 Luật quy định giao Chính phủ quy định về người có nghĩa vụ kê khai hằng năm, theo đó người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân theo quy định của Chính phủ. Dự thảo đã đề xuất Trưởng phòng và tương đương trở lên thuộc Doanh nghiệp nhà nước có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm. Việc xác định vị trí tương đương nhằm bảo đảm cho phù hợp với tình hình thực tiễn ở nhiều doanh nghiệp có các chức danh như trưởng ban, trưởng bộ phận. Nếu quy định quá chi tiết, quá chặt có thể bỏ qua những người nghĩa vụ kê khai ở doanh nghiệp nhà nước.

			ty mẹ đầu tư vốn ra ngoài, tuy nhiên về cơ bản cũng sử dụng vốn nhà nước, vốn công ty mẹ tại doanh nghiệp. Do vậy, để đảm bảo chặt chẽ, đề nghị Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết hơn về đơn vị và người được xác minh tài sản trong trường hợp nêu trên.	
		Tỉnh Phú Thọ	10. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị định nghiên cứu, quy định cụ thể hơn thẩm quyền kiểm soát tài sản thu nhập của cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập gồm: Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên (Khoản 1, Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi năm 2025) và Thanh tra tỉnh (Khoản 7, Điều 30, Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi năm 2025 để làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thực hiện thống nhất từ trung ương đến cơ sở, vì: - Theo khoản 5.2, Điều 7 Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng quy định “<i>Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên có thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập, quyết định xác minh tài sản, thu nhập của đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và đảng viên chuyên trách công tác đảng hoặc có vị trí việc làm ở các cơ quan tham mưu giúp việc, cấp ủy</i>”. Tuy nhiên hiện nay, chưa có hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền kiểm soát TSTN của Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên (gồm: UBKT Đảng ủy cấp xã, UBKT Đảng ủy thuộc UBND tỉnh và tương đương, UBKT Tỉnh ủy, do vậy việc xác định thẩm quyền kiểm soát TSTN của UBKT cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên và Thanh tra tỉnh đối với một số đối tượng là chưa cụ thể, rõ ràng (ví dụ như: Trưởng, phó các sở, ngành, Trưởng, phó các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; Hiệu trưởng, Hiệu phó các trường mầm non, Tiểu học, THCS..)	Thẩm quyền của các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập đã được quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng. Bên cạnh đó, Quy định 21-QĐ/TW của Ban chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của đảng đã quy định rõ về vấn đề này.

A3	Nhóm quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn kê khai, xác minh			
		Tỉnh Khánh Hoà	11. Tại Điều 7, Điều 19, Điều 20 dự thảo Nghị định quy định: thời hạn yêu cầu cung cấp thông tin, thời hạn gửi Quyết định xác minh, thời hạn xây dựng và ban hành Kế hoạch xác minh đều là ngày “<i>làm việc</i>”; nhưng tổng thời gian được xác minh TSTN (tức thời điểm phải có báo cáo kết quả xác minh kể từ khi ban hành Quyết định xác minh) lại quy định là 45 ngày (tức kể cả thứ 7, chủ nhật, lễ) là không nhất quán. Do vậy đề nghị điều chỉnh thống nhất thành ngày “<i>làm việc</i>”, vì theo quy định của Bộ Luật lao động các ngày thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, công chức được nghỉ và các ngày này cũng không thể mời các tổ chức, cá nhân làm việc; điều này ảnh hưởng đến tiến độ cũng như chất lượng xác minh TSTN.	Quy định của Nghị định phải bảo đảm không vượt quy định của Luật. Do vậy, Đề nghị giữ nguyên như trong dự thảo Nghị định
		Bộ Thanh tra	12. Đề nghị đây mạnh hình thức công khai trên môi trường điện tử; đồng thời quy định rõ phạm vi, đối tượng được tiếp cận thông tin nhằm bảo đảm minh bạch nhưng vẫn bảo vệ thông tin cá nhân.	Thời gian tới, khi hoàn thành cơ sở dữ liệu kiểm soát tài sản, thu nhập việc kê khai và công khai có thể thực hiện được trên môi trường điện tử. Trong giai đoạn hiện nay, khi chưa hoàn thành phần mềm kê khai và công khai tài sản, thu nhập đề nghị thực hiện theo quy định hiện hành.
A4	Nhóm quy định về hoạt động xác minh tài sản, thu nhập (cơ chế, tiêu chí, nghiệp vụ)			
		Bộ KH&CN	13. Đề nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế xác minh tài sản, thu nhập trên môi trường điện tử nhằm nâng cao hiệu quả, minh bạch và giảm thời gian xử lý. Cần quy định rõ trách nhiệm, quy trình, kết nối dữ liệu và bảo mật thông tin, bảo đảm đồng bộ với chuyển đổi số và khả thi.	Thời gian tới, khi hoàn thành cơ sở dữ liệu kiểm soát tài sản, thu nhập việc xác minh sẽ được thực hiện trên môi trường điện tử
		Bộ Tài chính	14. Về phân cấp, phân quyền trong công tác xác minh tài sản, thu nhập Ngày 07/8/2025, Bộ Tài chính có văn bản số 12052/BTC-TCCB xin ý kiến Thanh tra Chính phủ về những khó khăn trong việc triển khai công tác xác minh tài sản, thu nhập, trong đó có nội dung về công tác phân cấp, cụ thể:	Theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng thì: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

		“Các Tổng cục và tương đương trước đây thuộc Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thống kê, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán nhà nước) được giao thực hiện kiểm tra xác minh kê khai tài sản, thu nhập đối với các đối tượng thuộc hệ thống của mình, nay đã được chuyển đổi mô hình tổ chức thành các Cục (Cục loại 1) và tương đương thuộc Bộ Tài chính (Cục Thuế, Cục Hải quan, Cục Thống kê, Cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán nhà nước), tuy nhiên các Cục vẫn còn có các đơn vị ngành dọc cấp tỉnh, cấp cơ sở với số lượng lớn người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm. Hiện nay, Bộ Tài chính được giao quản lý và kiểm soát các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, Doanh nghiệp lớn của Nhà nước, theo khoản 3 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng có quy định về đối tượng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bao gồm: “người giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại doanh nghiệp Nhà nước”. Như vậy, tại các đơn vị Cục loại 1 và các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, Doanh nghiệp..., với số lượng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm rất lớn, trải dài tất cả các tỉnh, thành phố trên cả nước, để đảm bảo thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả, Bộ Tài chính cần có sự hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ về việc tổ chức xác minh tài sản đối với các đối tượng thuộc các đơn vị nêu trên để đảm bảo với tình hình thực tế.” Trên cơ sở đó, đề nghị Thanh tra Chính phủ xem xét bổ sung nội dung phân cấp, phân quyền trong công tác xác minh tài sản, thu nhập để Bộ Tài chính có thể thực hiện đảm bảo quy định và phù hợp với nguồn lực và tình hình cơ cấu tổ chức bộ máy hiện tại.	Luật không quy định về cơ chế phân cấp, phân quyền trong hoạt động xác minh tài sản, thu nhập.
	Bộ Tài chính	15. Về nghiệp vụ trong quá trình xác minh tài sản, thu nhập	Những nội dung mang tính nghiệp vụ, nhất là những nội dung phức tạp cần thời gian đánh giá,

			Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có một số khó khăn trong việc xác minh đối với một số loại tài sản như: Tiền mặt hoặc vàng (tại thời điểm trước năm xác minh); các loại tiền khác như khoản nợ, khoản vay ngân hàng; vay, mượn, tiền trả trước đối với các loại tài sản hình thành trong tương lai...; tài sản có nhiều biến động, số lượng giao dịch nhiều như việc mua bán cổ phiếu, tiền điện tử...; góp vốn mua đất nhưng không đứng tên, giấy tờ; việc định giá các tài sản như đồ gỗ, mỹ nghệ, bàn ghế, cây cảnh... Do vậy, đề nghị Thanh tra Chính phủ xây dựng hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến việc xác minh đối với các tài sản có tính chấp phức tạp nêu trên. Đồng thời, thường xuyên tổ chức tập huấn để tăng cường nâng cao nghiệp vụ và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.	tổng kết thực tiễn để có hướng dẫn chung. Thanh tra Chính phủ sẽ có hướng dẫn chi tiết sau. Để bảo đảm tiến độ xây dựng Nghị định đề nghị chưa đưa nội dung này vào hướng dẫn tại Nghị định.
		Tỉnh Khánh Hoà	16. Đề nghị bổ sung thêm các điều khoản quy định về căn cứ, tiêu chí, cách thức tiến hành xác minh TSTN đối với các trường hợp có dấu hiệu rõ ràng về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; có biến động tăng về tài sản, thu nhập trong năm từ 1.000.000.000 đồng trở lên mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc; bị tố cáo về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực và đủ điều kiện thụ lý theo quy định của Luật Tố cáo và các trường hợp khác khi có yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 Luật PCTN; vì trên thực tế ngoài các trường hợp được xác minh TSTN theo kế hoạch xác minh hằng năm thì còn có các trường hợp này.	Tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng quy định: Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 41 của Luật này (tức là hướng dẫn trình tự xác minh trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên). Tuy nhiên, khoản 3 Điều 22 dự thảo Nghị định đã quy định: Đối với việc xác minh theo quy định tại điểm c, đ khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng thì Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập được giao nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập còn phải đối chiếu với nội dung tố cáo, nội dung yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 của Luật Phòng, chống tham nhũng; đánh giá nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc sai so với kết quả xác minh.

		Tỉnh Khánh Hoà	17. Tại Điều 5, Điều 6, Điều 21 dự thảo Nghị định có quy định Tổ trưởng Tổ xác minh được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập và việc yêu cầu này phải được thực hiện bằng văn bản. Tuy nhiên trên thực tế Tổ trưởng Tổ xác minh thường là các lãnh đạo cấp phòng, không được sử dụng con dấu cơ quan khi phát hành văn bản, do vậy việc yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản rất khó thực hiện.	Tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý lại khoản Điều 5 dự thảo Nghị định như sau: Người có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập (sau đây gọi là người yêu cầu) để phục vụ việc theo dõi biến động tài sản, thu nhập, xây dựng kế hoạch xác minh và xác minh tài sản, thu nhập, bao gồm: a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; b) Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập đối với cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập là Thanh tra Chính phủ, Bộ, Cơ quan ngang bộ.
A5	Nhóm quy định về xử lý vi phạm, kỷ luật			
		Bộ Nội vụ	18. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định về xử lý kỷ luật tại dự thảo Nghị định (các Điều 37, 38, 39) để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức. Ví dụ: Điều 37 dự thảo Nghị định quy định hình thức kỷ luật "giáng chức". Tuy nhiên, theo quy định của Nghị định số 172/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức thì không có hình thức kỷ luật "giáng chức".	Tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát lại các quy định và chỉnh lý lại Điều 37 dự thảo Nghị định như sau: Điều 37. Xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát tài sản, thu nhập 1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không tổ chức việc kê khai, công khai bản kê khai, nộp bản kê khai thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo. 2. Người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập có hành vi vi phạm trong việc tiếp nhận bản kê khai, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, tiến hành xác minh, kết luận xác minh, công khai kết quả xác minh thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo. 3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ, không

				kịp thời yêu cầu của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; vi phạm một hoặc một số hành vi bị nghiêm cấm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật. 4. Các hành vi vi phạm quy định lại Điều 20, các khoản 1, 2 và 3 Điều này nếu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.
A6	Nhóm quy định về điều khoản thi hành, chuyển tiếp			
		Bộ Nội vụ	19. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định điều khoản chuyển tiếp nhằm bảo đảm sự liên tục và ổn định trong việc áp dụng pháp luật khi có sự thay đổi về quy định pháp lý, giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức có liên quan, giảm thiểu các xung đột pháp lý có thể phát sinh từ việc áp dụng đồng thời quy định cũ và mới.	Tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp, theo đó Những trường hợp đã ban hành Quyết định xác minh trước thời điểm 01/7/2026 thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP để kết luận xác minh tài sản, thu nhập. Trường hợp bị kết luận kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì có thể vận dụng quy định của Nghị định này để xem xét xử lý cho phù hợp với tình hình thực tiễn theo hướng có lợi cho người được xác minh.
		Bộ Nội vụ	20. Để hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi,	Thanh tra Chính phủ xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết những nội dung Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, theo điểm a, khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo đó một số tài liệu trong hồ sơ Nghị định là không bắt buộc

			bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.	
		Bộ Quốc phòng	21. Căn cứ ban hành Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.	Tiếp thu ý kiến Bộ Quốc phòng, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung căn cứ: Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15.
	Chương I			
	Điều 1	Ủy ban Pháp luật và Tư pháp	Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về phạm vi điều chỉnh theo hướng liệt kê các điểm, khoản, điều của Luật Phòng, chống tham nhũng giao hướng dẫn chi tiết. Tuy nhiên, Thường trực UBPLTP nhận thấy đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng về người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập: " <i>Người giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, người giữ chức vụ trong doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ</i> " đã được hướng dẫn tại Điều 10 của dự thảo Nghị định nhưng lại chưa được đưa vào phạm vi điều chỉnh. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung này vào Điều 1; đồng thời, bổ sung cụm từ " <i>khoản 3 Điều 34,</i> " vào trước cụm từ " <i>điểm b khoản 3 Điều 36</i> " cho đầy đủ, thống nhất.	Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý điểm c, khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: c) Khoản 3 Điều 34, Điểm b khoản 3 Điều 36 về người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm.
	Điều 2			
	Điều 3			
		Bộ Quốc phòng	22. Đề nghị cân nhắc bổ sung giải thích các từ ngữ: “Kê khai không trung thực là không kê khai hết tài sản trong các bản kê khai tài sản, thu nhập hay cả trong báo cáo giải trình”; “Giải trình biến động tăng thêm không trung thực”. - Giải thích các từ ngữ: “Người thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và đảng viên chuyên trách công tác đảng	Kê khai không trung thực là hành vi của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập dù biết rõ tài sản, thu nhập của mình, của vợ, chồng, con chưa thành niên phải kê khai nhưng đã không kê khai theo quy định. “Giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực là hành vi của người có

			hoặc có vị trí việc làm ở các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy theo quy định của Đảng bao gồm những ai”; “Người không còn là đối tượng kiểm soát tài sản, thu nhập của cơ quan xác minh tài sản, thu nhập là những người nào”. - Giải thích từ ngữ: “Người trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân”;	nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập đã cố ý kê khai không đúng sự thật về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm Nội dung liên quan đến Người thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và đảng viên chuyên trách công tác đảng hoặc có vị trí việc làm ở các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy theo quy định của Đảng bao gồm những ai thuộc thẩm quyền hướng dẫn của Ủy ban kiểm tra và các cơ quan Đảng. Nội dung này cơ quan chủ trì soạn thảo đã thấy đủ rõ, không cần giải thích.
	Khoản 1, Điều 3	Tỉnh Phú Thọ	23. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, sửa đổi lại một số dấu câu được sử dụng trong nội dung quy định trên thành: “1. <i>Kiểm soát tài sản, thu nhập là hoạt động do Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm xác định rõ tình trạng tài sản, thu nhập; biến động về tài sản, thu nhập; nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm và nguyên nhân giảm tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai. Hoạt động này nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện hành vi tham nhũng, ngăn chặn việc tẩu tán tài sản tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng.</i>”.	Kiểm soát tài sản, thu nhập là hoạt động do Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của pháp luật để biết rõ tài sản, thu nhập; biến động về tài sản, thu nhập; nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm của người có nghĩa vụ kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng.
	Khoản 2 Điều 3	Tỉnh Phú Thọ	24. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh cách trình bày dấu câu trong nội dung quy định trên thành: “2. <i>Kê khai tài sản, thu nhập là việc ghi nhận đầy đủ, rõ ràng, chính xác các loại tài sản, thu nhập; biến động về tài sản, thu nhập thuộc diện phải kê khai; nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm và nguyên nhân giảm tài sản, thu nhập theo Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Nghị định này.</i>”.	Đã tiếp thu
	Khoản 2 và Khoản 4 Điều 3 quy định:	Tỉnh Thanh Hoá	25. Đề nghị gộp khoản 2, khoản 4, điều 3 của Nghị định thành:	Đây là những khái niệm khác nhau cần phải được diễn giải riêng đảm bảo rõ ràng, không nhầm lẫn

“2. Kê khai tài sản, thu nhập là việc ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác các loại tài sản, thu nhập, biến động tài sản, thu nhập phải kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm theo Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Nghị định này. 4. Giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm là việc người có nghĩa vụ kê khai tự giải thích, chứng minh về việc hình thành tài sản, thu nhập tăng thêm so với lần kê khai liền trước đó”.		“2. Kê khai tài sản, thu nhập là việc ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác các loại tài sản, thu nhập, biến động tài sản, thu nhập phải kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm, nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm; Giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm là việc người có nghĩa vụ kê khai tự giải thích, chứng minh về việc hình thành tài sản, thu nhập tăng thêm so với lần kê khai liền trước đó theo Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Nghị định này”.	
---	--	---	--

		Bộ Quốc phòng	26. Đề nghị cân nhắc bổ sung cụm từ "... và nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm" vào cuối khoản 3. Viết lại như sau: "5. Xác minh tài sản, thu nhập là việc kiểm tra, làm rõ nội dung kê khai và xem xét, đánh giá, kết luận của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai, và tính trung thực trong việc giải trình về biến động tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm và nguyên nhân tài sản, thu nhập bị giảm". (Bộ Quốc phòng)	Tiếp thu
	Khoản 5	Tỉnh Phú Thọ	27. khoản 5 Điều 3 của dự thảo Nghị định, cụm từ " <i>xem xét, đánh giá, kết luận của Cơ quan...</i> " đang đặt trong chuỗi chưa hợp lý về quan hệ ngữ pháp (dễ hiểu nhầm là " <i>kết luận của Cơ quan</i> " là một thành phần song song với " <i>kiểm tra, làm rõ</i> "; đồng thời dễ tránh lặp lại từ " <i>trung thực</i> " trong cùng một câu nhưng vẫn bảo đảm ý nghĩa pháp lý; đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh thành: " <i>5. Xác minh tài sản, thu nhập là hoạt động do Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này nhằm kiểm tra, làm rõ nội dung kê khai; xem xét, đánh giá và kết luận về tính đầy đủ, rõ ràng, trung thực của bản kê khai và việc giải trình về biến động tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.</i> ".	Đã tiếp thu theo góp ý của Bộ Quốc phòng
	Điều 4			
	Khoản 2	Bộ Quốc phòng	28. Nghiên cứu đưa nội dung quy định: "Nghiêm cấm việc sử dụng không đúng mục đích thông tin, dữ liệu trong kiểm soát tài sản, thu nhập" đang được quy định tại khoản 2 Điều 4 xuống Điều 18 và thiết kế thành 01 khoản của Điều 18 cho cùng nội dung quy định về các hành vi bị nghiêm cấm. (Bộ Quốc phòng)	Đây là 2 hoạt động không đồng nhất với nhau, hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập rộng hơn hoạt động xác minh tài sản, thu nhập
	Khoản 3	Bộ KH&CN	29. Đề nghị sửa đổi quy định về dẫn chiếu pháp luật thành: "Luật Phòng, chống tham nhũng số	Tiếp thu

			36/2018/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 132/2025/QH15)”. 30. Đề nghị bổ sung thành: “3. Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát tài sản, thu nhập và xử lý hành vi kê khai, giải trình không trung thực phải căn cứ vào bản kê khai, thông tin do cơ quan, đơn vị, cá nhân cung cấp; việc giải trình và Kết luận xác minh được thực hiện theo Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 132/2025/QH15 và Nghị định này”	Tiếp thu
	Chương II			
	Điều 5			
	Điều 5	Tỉnh Khánh Hoà	31. Đề nghị bổ sung trách nhiệm cung cấp thông tin đảm bảo tính “ chính xác ” và bổ sung chế tài xử lý trong trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không thực hiện đúng trách nhiệm của mình (đặc biệt là đối với các doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực ngoài nhà nước)	Tiếp thu, sử dụng cụm từ “chính xác” thay thế cho từ trung thực Chế tài xử lý đã được thể hiện ở khoản 3 Điều 37 dự thảo Nghị định
	Tại điểm b khoản 1 Điều 5.	Tỉnh Thanh Hoá	32. Đề nghị bổ sung thêm: “c) Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập trong quá trình xác minh tài sản, thu nhập”.	Không nên quy định, dễ xảy ra tình trạng lạm quyền; không phù hợp với tinh thần của Luật
	Điều 6			
	Khoản 2	Tỉnh Thanh Hoá	Đề nghị bỏ điểm d “Hướng dẫn việc cung cấp thông tin bằng văn bản, thông điệp dữ liệu”.	Đây là quy định cũ và phù hợp với các quy định pháp luật chuyên ngành
	Điều 7			
	Tại Điều 7 của dự thảo Nghị định	Bộ Công An	33. Đề nghị lược bỏ như sau “ <i>Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin...</i> ”.	Tiếp thu
		Bộ KH&CN	34. Đề nghị sửa đổi quy định về thời hạn cung cấp thông tin theo hướng thống nhất cách tính theo “ngày làm việc”	Đề nghị cho thực hiện theo thông lệ những thời hạn trên 5 ngày làm việc thì ghi ngày, còn dưới 5 ngày thì ghi rõ ngày làm việc, bảo đảm phù hợp với tinh thần của Luật

	Khoản 1	Bộ Quốc phòng	35. Đề nghị bổ sung cụm từ “Thông tin về tài sản, thu nhập bao gồm cả tài sản đứng tên của vợ (chồng) và con chưa thành niên của người có nghĩa vụ kê khai”. Viết lại như sau: “1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập bao gồm cả tài sản đứng tên của vợ (chồng) và con chưa thành niên của người có nghĩa vụ kê khai theo yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp thông tin được yêu cầu cung cấp là thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn cung cấp thông tin là 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu”.	Thông tin về tài sản, thu nhập gắn với từng cá nhân. Do đó, khi lấy thông tin các cơ quan phải xác định rõ phạm vi lấy thông tin, không được nhiên lấy cả thông tin của vợ/chồng người được xác minh, tránh xâm phạm quyền riêng tư, nhất là trường hợp vợ/chồng đã ly hôn
	Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp theo yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp thông tin được yêu cầu cung cấp là thông tin phức tạp, không có sẵn thì thời hạn cung cấp thông tin là 15 ngày	Tỉnh Đồng Tháp	36. Bổ sung nội dung: “Trong trường hợp vì lý do khách quan không thể cung cấp được thông tin hoặc cung cấp không đúng thời hạn thì người được yêu cầu phải có văn bản đề nghị người yêu cầu xem xét, giải quyết. Người được yêu cầu phải chấp hành quyết định của người yêu cầu cung cấp thông tin”.	Tiếp thu
		Tỉnh Điện Biên	37. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh thời hạn đối với việc cung cấp thông tin dài hơn “05 ngày làm việc” cho phù hợp thực tế. Vì thực tế hiện nay dữ liệu đất đai còn phân tán, thông tin ngân hàng có khối lượng lớn nên khó đáp ứng việc rà soát, cung cấp thông tin nếu yêu cầu trong khoảng thời gian này.	Thời hạn xác minh ngắn, các cơ quan cần phối hợp để cơ quan xác minh bảo đảm kết luận xác minh đúng thời hạn.
		Tỉnh Lai Châu	38. Điều 7 dự thảo Nghị định chỉ quy định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu mà chưa quy định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân “không” thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu, do đó đề văn bản khi ban hành được chặt chẽ và đầy đủ đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân “không” thực hiện cung cấp	Đã quy định biện pháp chế tài tại khoản 3 Điều 37 dự thảo Nghị định

	kể từ ngày nhận được yêu cầu.		thông tin theo yêu cầu, đồng thời quy định chế tài xử lý đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân này.	
	Điều 8			
	Điều 8	Tỉnh Khánh Hoà	39. Đề nghị bổ sung nội dung: “Ngân hàng nhà nước các khu vực có trách nhiệm đôn đốc, chấn chỉnh các tổ chức tín dụng trong trường hợp không thực hiện đúng các yêu cầu của người có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về TSTN”. Trên thực tế, NHNN yêu cầu thì các tổ chức tín dụng chấp hành nghiêm túc hơn.	Đây là thẩm quyền của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập nên không đẩy trách nhiệm cho ngân hàng nhà nước thực hiện được
	Khoản 2 quy định: “Việc yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam”.	Bộ Quốc phòng	40. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu viện dẫn rõ các điều, khoản, văn bản pháp luật có liên quan về cung cấp thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam để thuận tiện cho việc tra cứu, áp dụng quy định.	Đây là thẩm quyền theo quy định của pháp luật phòng, chống tham nhũng nhằm bảo đảm cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thông tin phục vụ xác minh

	Chương III			
	Điều 9			
	Khoản 1	Bộ Công An	41. Đề nghị bổ sung 01 điểm là các khoản nợ.	Tiếp thu tại điểm g, khoản 1
			42. Nghiên cứu, rà soát, đối chiếu các nội dung quy định tại khoản 1, Điều 9 dự thảo Nghị định với nội dung kê khai chi tiết tài sản hiện có tại Mục B Phụ lục mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập do hiện chưa thống nhất với nhau. Ví dụ: khoản 1, Điều 9 không quy định kê khai động sản, tuy nhiên tại Phụ lục mẫu bản kê khai lại quy định việc kê khai động sản phải đăng ký.	Giải trình, tiếp thu tại phần bản kê khai
			Quyền sở hữu tài sản theo Bộ luật Dân sự 2015 là quyền năng hợp pháp của chủ thể đối với tài sản, bao gồm ba quyền chính: chiếm hữu (nắm giữ), sử dụng (khai thác công dụng), và định đoạt (bán, tặng cho, tiêu hủy)... Như vậy, đối với tài sản chỉ có quyền sử dụng (ví dụ như: cùng ở chung nhà thuộc sở hữu của bố, mẹ, người thân; tài sản mượn, thuê để sử dụng...) thì có phải kê khai hay không? Đề nghị cân nhắc bổ sung hướng dẫn trong trường hợp này và nếu phải kê khai thì yêu cầu phải định lượng thời gian sử dụng thường xuyên là bao lâu mới phải kê khai?	Hiện nay, Điều 33 Luật phòng, chống tham nhũng quy định Nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập: Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai <i>tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên.</i> Nên tài sản không phải của mình thì không phải kê khai
	Khoản 1	Bộ Quốc phòng	43. Đề nghị bổ sung nội dung “là tài sản của người có nghĩa vụ kê khai, vợ (chồng) và con chưa thành niên của người có nghĩa vụ kê khai” vào sau cụm từ “Tài sản, thu nhập phải kê khai” sau đó viết lại như sau: “1. Tài sản, thu nhập phải kê khai là tài sản của người có nghĩa vụ kê khai, vợ (chồng) và con chưa thành niên của người có nghĩa vụ kê khai bao gồm:”.	Tiếp thu
	Điểm d khoản 1 Điều 9	Tỉnh Thanh Hoá	44. Đề nghị điều chỉnh thành: “d) Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 150 triệu đồng tại thời điểm kê khai lần đầu có tài sản đó trở lên;”	Tài sản có giá trị từ 150 triệu trở lên là phải kê khai theo quy định, không kể là kê khai lần đầu hay kê khai hằng năm hay kê khai bổ sung

	Điểm i khoản 1 Điều 9	Tỉnh Nghệ An	45. Đề nghị quy định cụ thể cách xác định “tổng thu nhập giữa hai lần kê khai”.	Sẽ được hướng dẫn tại mẫu bản kê khai
	Khoản 3	Bộ Y tế	46. Dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể hơn về lộ trình thực hiện, trách nhiệm tổ chức triển khai, yêu cầu hạ tầng kỹ thuật, bảo mật, lưu trữ, khai thác dữ liệu và giá trị pháp lý của hồ sơ kê khai điện tử, bảo đảm thuận lợi, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện giữa các bộ, ngành, địa phương. Nội dung này đã được đặt ra trong dự thảo, tuy nhiên cần tiếp tục làm rõ để tăng tính khả thi khi triển khai trên thực tế.	Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập và việc triển khai kê khai trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định về triển khai dự án đầu tư
	Khoản 3 quy định: “Thanh tra Chính phủ tổ chức việc kê khai trên môi trường điện tử để bảo đảm thuận lợi cho việc lưu trữ, kiểm soát tài sản, thu nhập khi điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ được đáp ứng.”	Tỉnh Thanh Hoá	47. Về thời gian, tổ chức thực hiện thì Dự thảo hiện đang quy định theo hướng “khi điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ được đáp ứng”, nhưng chưa quy định rõ cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đầu tư, quản trị hệ thống và thời gian triển khai thực hiện. + Cơ chế sao lưu, bảo mật, phục hồi dữ liệu; quy trình chuyển đổi từ hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử; việc đồng bộ với cơ sở dữ liệu khi hệ thống chính thức vận hành trên phạm vi toàn quốc. + Quy định chuyển tiếp theo lộ trình rõ ràng: các giai đoạn triển khai đồng bộ toàn quốc; quy định thống nhất biểu mẫu, mã định danh người kê khai, chế độ phân quyền truy cập, thời hạn lưu trữ và trách nhiệm đơn vị quản lý.	Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập và việc triển khai kê khai trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định về triển khai dự án đầu tư do Thanh tra Chính phủ thực hiện
	Điều 10			
		Ủy ban Pháp luật và Tư pháp	48. Điều 10 của dự thảo Nghị định kế thừa Điều 10 của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020, có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng hiện hành. Tuy nhiên, Thường trực UBPLTP cho rằng nội dung quy định tại	Chỉnh lý lại Điều 10 cho phù hợp, chỉ hướng dẫn những trường hợp theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 36

			Điều 10 chưa quy định đầy đủ các đối tượng có nghĩa vụ kê khai hằng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung đối tượng có nghĩa vụ kê khai hằng năm (ví dụ: người thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và đảng viên chuyên trách công tác đảng hoặc có vị trí việc làm ở các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy thực hiện việc kê khai hằng năm theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật) để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng.	
Tại khoản 1 Điều 10 của dự thảo Nghị định: “Người giữ chức vụ từ Phó Vụ trưởng và tương đương trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; Giám đốc sở và	Văn phòng Quốc hội	49. Đối với những vị trí công tác này thì người giữ chức vụ là Phó Trưởng phòng và tương đương có vai trò quan trọng và có nguy cơ tham nhũng, tiêu cực... do đó đề nghị cân nhắc bổ sung thêm đối tượng Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản hằng năm.	Kiểm soát đối tượng kê khai có trọng tâm, trọng điểm; trường hợp khác có biến động tài sản, thu nhập theo quy định phải kê khai cũng vẫn được kiểm soát	
	Tỉnh Đồng Tháp	50. Đề xuất bỏ.	Tiếp thu	
	Tỉnh Ninh Bình	51. Đề nghị bổ sung thêm người có nghĩa vụ kê khai hằng năm là Phó Giám đốc sở và tương đương công tác tại chính quyền địa phương	Đã được thể hiện tại Điều 10	
	Bộ Công An	52. Đề nghị lược bỏ khoản 1 và nghiên cứu, chỉnh lý viết lại cho phù hợp.	Tiếp thu	
	Bộ GD&ĐT	53. Bổ sung khoản 1 Điều 10 đối tượng là “ <i>Người thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý (Không phải là Bí thư, phó bí thư cùng cấp¹) và đảng viên chuyên trách công tác đảng hoặc có vị trí việc làm ở các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy</i> ” thực hiện việc kê khai hằng năm theo quy định của Đảng.	Chỉnh lý lại Điều 10 cho phù hợp, chỉ hướng dẫn những trường hợp theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 36	

¹ Theo quy định tại Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của ban Chấp hành Trung ương

	tương đương trở lên công tác tại chính quyền địa phương”.			
Tại khoản 2 Điều 10 của dự thảo Nghị định: “Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương công tác tại Doanh nghiệp nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp sở và tương đương, cấp cục và tương đương ở các vị trí công tác: tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân”.	Tỉnh Đồng Tháp	54. Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương công tác tại Doanh nghiệp nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp sở và tương đương, cấp cục và tương đương ở các vị trí việc làm phụ trách trực tiếp công tác : tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân. <i>Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.</i>	Tiếp thu	
	Tỉnh Bắc Ninh	55. Đề nghị quy định thêm các vị trí công tác dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực như: đất đai, khoáng sản, môi trường, tài chính, đầu tư..., đồng thời cần quy định cụ thể, rõ hơn nữa đối với vị trí “ <i>trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân</i> ”	Không phù hợp với tinh thần điểm b, khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng	
	Tỉnh Hà Tĩnh	56. Đề nghị quy định cụ thể tiêu chí xác định hoặc ban hành danh mục vị trí áp dụng để bảo đảm thống nhất trong thực hiện; nếu không quy định rõ sẽ khó xác định đối tượng kê khai và dễ lúng túng khi tổ chức thực hiện.	Đã được chỉnh lý theo góp ý của Tỉnh Đồng Tháp	
	Tỉnh Thái Nguyên	57. Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: + Người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng Phòng và tương đương trở lên công tác tại Doanh nghiệp nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp sở, cấp cục và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã, cấp sở, cấp cục. + Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý nhưng làm công tác kế toán hoặc trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và những người giữ các chức danh sau: Chấp hành viên, điều tra viên, kiểm lâm viên, kiểm soát	Kiểm soát đối tượng kê khai có trọng tâm, trọng điểm; trường hợp khác có biến động tài sản, thu nhập theo quy định phải kê khai cũng vẫn được kiểm soát	

			viên, kiểm soát viên ngân hàng, kiểm soát viên thị trường, kiểm toán viên, kiểm tra viên hải quan, kiểm tra viên thuế, thanh tra viên, thẩm phán.	
		Tỉnh Lai Châu	58. Tại khoản 2, Điều 10 dự thảo Nghị định bổ sung quy định đối với đối tượng, cơ quan thực hiện, đề nghị sửa thành “Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương <i>trở lên</i> công tác tại Doanh nghiệp nhà nước, <i>Hội đồng nhân dân</i> , Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp sở và tương đương, cấp cục và tương đương...”, đồng thời bổ sung thêm các vị trí công tác để phát sinh tham nhũng như: “ <i>Quản lý về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, năng lượng, kiểm lâm, thị trường, thuốc, an toàn thực phẩm, thuế, hải quan, ...</i> ”.	Không phù hợp với tinh thần điểm b, khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng
	Khoản 2		59. Đề nghị quy định rõ trường hợp Trưởng phòng đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp tỉnh hay Trưởng phòng đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở nhằm tránh trường hợp có cách hiểu khác nhau trong áp dụng thực hiện xác định đối tượng kê khai. Đồng thời, xem xét việc quy định “trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân”.	Việc xác định trưởng phòng nhưng gắn với vị trí công tác lĩnh vực theo Luật quy định
		Bộ GD&ĐT	60. Bổ sung khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định đối tượng “ <i>Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập</i> ”.	Không phù hợp với tinh thần điểm b, khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng
		Tỉnh Nghệ An	61. Đề nghị làm rõ nội dung “Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương công tác tại Doanh nghiệp nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp sở và tương đương, cấp cục và tương đương”	Quy định là trưởng phòng gắn với lĩnh vực công tác theo quy định của Luật.
		Tỉnh Nghệ An	62. Đề nghị nghiên cứu diễn đạt lại cụm từ “... trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân”	Những vị trí này cần 2 tiêu chí: (1) là trưởng phòng trực tiếp phục trách công tác.... trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan tổ

				chức, đơn vị, cá nhân: ví dụ Chánh văn phòng Ủy ban xã, Trưởng phòng kinh tế, hạ tầng...
		Bộ Công An	63. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung cấp Phó Trưởng phòng và tương đương ở các vị trí công tác: tổ chức cán bộ, quản lý tài chính, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.	Kiểm soát đối tượng kê khai có trọng tâm, trọng điểm; trường hợp khác có biến động tài sản, thu nhập theo quy định phải kê khai cũng vẫn được kiểm soát
		Bộ Công An	64. Đề nghị làm rõ nội hàm cụm từ "...hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân". (Bộ Công An)	Những vị trí này cần 2 tiêu chí: (1) là trưởng phòng trực tiếp phục trách công tác.... trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan tổ chức, đơn vị, cá nhân: ví dụ Chánh văn phòng Ủy ban xã, Trưởng phòng kinh tế, hạ tầng...
	Khoản 2	Bộ KH&CN	65. Đề nghị bổ sung quy định làm rõ đối tượng kê khai trong doanh nghiệp nhà nước Đề nghị làm rõ tiêu chí "trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân" Đồng thời rà soát phạm vi áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị trực thuộc sau sắp xếp tổ chức bộ máy và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Việc quy định rõ ngay trong Nghị định hoặc tại phụ lục/danh mục kèm theo sẽ hạn chế cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị khi xác định đối tượng phải kê khai hằng năm.	Việc quy định trực tiếp danh mục có thể không thể hiện hết nhóm đối tượng theo yêu cầu của Luật.
		Bộ Ngoại Giao	66. Đề nghị Quý Cơ quan xác định rõ hơn về đối tượng kê khai tài sản là người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương "... trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân."	Việc quy định trực tiếp danh mục có thể không thể hiện hết nhóm đối tượng theo yêu cầu của Luật.

		Tỉnh Phú Thọ	67. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định rõ hơn các đối tượng, chức danh phải kê khai TSTN hằng năm và quy định cụ thể, rõ ràng hơn các vị trí, chức danh công tác trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm để làm căn cứ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thực hiện, lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm.	Việc quy định trực tiếp danh mục có thể không thể hiện hết nhóm đối tượng theo yêu cầu của Luật.
		Vụ TCCB -TTCP	68. Đề nghị có hướng dẫn cụ thể hơn về các công việc cụ thể của người có nghĩa vụ kê khai trong các vị trí công tác " ...quản lý tài chính công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, cá nhân" để đảm bảo thống nhất trong xác định đối tượng thuộc diện kê khai hàng năm của các cơ quan, đơn vị	Việc quy định trực tiếp danh mục có thể không thể hiện hết nhóm đối tượng theo yêu cầu của Luật.
	Tại khoản 3 Điều 10 của dự thảo Nghị định: “Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	Tỉnh Đồng Tháp	69. Tại khoản 3 Điều 10 của dự thảo Nghị định: “Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. <i>Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.</i>	Tiếp thu
		Tỉnh Phú Thọ	70. Đề nghị bổ sung cụm từ “có vốn nhà nước” sau từ tại doanh nghiệp, nhằm đảm bảo rõ đối tượng điều chỉnh, thành: “Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước.”.	Đã là người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì đương nhiên có vốn nhà nước ở doanh nghiệp đó.
	Tại Điều 10 dự thảo Nghị định	Tỉnh Khánh Hoà	71. Đề nghị điều chỉnh “ <i>Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng bao gồm..</i> ” thành “ <i>Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng bao gồm..</i> ”, vì người có nghĩa vụ kê khai hằng năm được quy định cả điểm a	Đã chỉnh lý lại cho phù hợp với quy định của pháp luật, những gì đã quy định ở Luật thì không nhắc lại quy định ở Nghị định.

			và điểm b khoản 3 Điều 36 Luật Phòng chống tham nhũng.	
		Bộ Nội vụ	72. Tại Điều 10 dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung đối tượng kê khai hàng năm là: “Người thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và đảng viên chuyên trách công tác đảng hoặc có vị trí việc làm ở các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy thực hiện việc kê khai hàng năm theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật” căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi năm 2025.	Đã chỉnh lý lại cho phù hợp với quy định của pháp luật, những gì đã quy định ở Luật thì không nhắc lại quy định ở Nghị định.
		Bộ Quốc phòng	73. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, làm rõ căn cứ thu hẹp đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hàng năm so với các quy định tại Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đề nghị sắp xếp lại thứ tự các cơ quan “Doanh nghiệp nhà nước, ủy ban nhân dân cấp xã, cấp sở và tương đương, cấp cục và tương đương” thành “Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp sở và tương đương, cấp cục và tương đương, doanh nghiệp nhà nước”.	Tiếp thu
	Tại Điều 10 dự thảo Nghị định quy định người có nghĩa vụ kê khai hàng năm tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) đều là người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và	Tỉnh Gia Lai	74. Bổ sung người có nghĩa vụ kê khai TSTN hàng năm đối với một số vị trí đặc thù không giữ chức vụ quản lý từ Trưởng phòng và tương đương trở lên nhằm tránh bỏ sót đối tượng kê khai.	Kiểm soát đối tượng kê khai có trọng tâm, trọng điểm; trường hợp khác có biến động tài sản, thu nhập theo quy định phải kê khai cũng vẫn được kiểm soát

	tương đương trở lên công tác tại các cơ quan, đơn vị.			
	Điều 10 dự thảo Nghị định có nêu các chức danh “tương đương” đối với các cụm từ như “Phó Vụ trưởng và tương đương”, “Giám đốc sở và tương đương”, “Trưởng phòng và tương đương”.	Tỉnh Hà Tĩnh	75. Đề nghị quy định rõ tiêu chí xác định chức danh tương đương (theo vị trí việc làm, chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức hoặc phụ cấp chức vụ).	Bao gồm nhiều tiêu chí, bao gồm cả vị trí việc làm, chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức hoặc phụ cấp chức vụ
		Tỉnh Thanh Hoá	76. Thứ nhất, cần có hướng dẫn cụ thể thống nhất cách xác định “tương đương” đối với từng loại hình cơ quan, đơn vị, nhất là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức đặc thù, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy. - Thứ hai, cần làm rõ tiêu chí “ <i>thường xuyên trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc</i> ” để tránh tình trạng cùng một vị trí nhưng mỗi nơi áp dụng một khác. Ngoài ra đề nghị bổ sung quy định giao người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức ban hành, công khai danh mục chức danh, vị trí thuộc diện kê khai hàng năm của cơ quan, đơn vị mình trên cơ sở khung tiêu chí thống nhất do Thanh tra Chính phủ hướng dẫn.	Đã được quy định tại Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng

	Chương IV			
	Điều 11			
	Điểm a, khoản 1	Bộ Nội vụ	77. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ quy định về đối tượng cấp Tổng cục (Phó Tổng cục trưởng).	Bộ Quốc phòng vẫn còn cấp Tổng cục
	Tại khổ văn thứ 2 điểm b khoản 1	Bộ Quốc phòng	78. Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc bổ sung cụm từ “Thuộc sở, ngành” vào cuối khổ văn. Viết lại như sau: “Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc sở, ngành cấp tỉnh, được niêm yết tại trụ sở cơ quan hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc sở, ngành”.	Tiếp thu
	Tại khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định việc công khai bản kê khai đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của cơ quan kiểm soát TSTN tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 30 của Luật PCTN.	Tỉnh Gia Lai	79. Đề nghị quy định rõ hơn về đối tượng công khai bản kê khai phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 11 của Dự thảo	
		TP Huế	80. Đề nghị bổ sung việc công khai, niêm yết đối với với trường hợp kê khai của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở hoặc các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp xã.	Đã được quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định
	Điểm b khoản 1 Điều 11	Tỉnh Thanh Hoá	81. Đề nghị điều chỉnh thành: “Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã hoặc công khai tại cuộc họp toàn thể cán bộ, công chức cơ quan nơi người đó thường xuyên công tác”.	Tiếp thu

	Điểm c khoản 1 Điều 11	Bộ GD&ĐT	82. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định việc công khai tài sản thu nhập đối với Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập.	Các đơn vị sự nghiệp đều trực thuộc một cơ quan cấp bộ hoặc ủy ban nhân dân các cấp. Cấp trưởng phòng đơn vị sự nghiệp được tính tương đương với cấp trưởng phòng đơn vị hành chính.
	Khoản 5 Điều 11	TP Huế	83. Đề nghị bổ sung cụm từ “nếu có” đối với đại diện tổ chức công đoàn.	Tiếp thu
	Khoản 6, Điều 11	Tỉnh Phú Thọ	84. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể về phạm vi truy cập, phân quyền khai thác thông tin, trách nhiệm quản lý hệ thống, bảo mật dữ liệu và thời hạn công khai bản kê khai khi thực hiện công khai trên môi trường điện tử để bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân, đồng thời có thể liên quan đến phạm vi thông tin thuộc diện bảo vệ theo Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.	Dự thảo mới quy định mang tính nguyên tắc, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập
	Tại Điều 11 của dự thảo Nghị định	Tỉnh Đồng Tháp	85. Đề xuất bổ sung khoản 7 Điều 11: “7. Ngoài việc công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định này, Đảng viên còn phải thực hiện việc công khai bản kê khai theo quy định của Đảng.	Việc quy định nghĩa vụ công khai cần thống nhất cho dễ thực hiện. Đảng có quy định thì Đảng viên phải chấp hành.
	Điều 12	Bộ Quốc phòng	86. Đề nghị cân nhắc làm rõ các bản kê khai được công khai của người được dự kiến bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy tại Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm gồm những bản kê khai nào? Từ bản kê khai lần đầu, các bản kê khai hằng năm đến bản kê khai phục vụ công tác cán bộ. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu khi công khai bản kê khai phục vụ công tác cán bộ tại Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm chỉ cần bản kê khai phục vụ công tác cán bộ và bản kê khai của	Dự thảo Nghị định quy định chỉ có 01 bản kê khai phục vụ công tác cán bộ.

			năm liền kề trước đó để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 dự thảo Nghị định?	
	Chương V			
	Điều 14			
	Khoản 2: Căn cứ vào khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chỉ đạo cơ quan thanh tra xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm; nơi không có cơ quan thanh tra thì chỉ đạo đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ thực hiện.	Bộ Quốc phòng	§7. Đề nghị cần nhắc, nghiên cứu quy định vai trò của Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên trong việc xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.	Nghị định đã quy định về việc xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên là cơ quan kiểm soát tài sản mới được Đảng quy định tại Quy định 296-QĐ/TW và Quy định 21-QĐ/TW
	thanh tra xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm; nơi không có cơ quan thanh tra thì chỉ đạo đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ thực hiện.	Tỉnh Thái Nguyên	88. Đề nghị bổ sung như sau: “Căn cứ vào khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, <i>Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố</i> chỉ đạo cơ quan thanh tra xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm; nơi không có cơ quan thanh tra thì chỉ đạo đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ thực hiện”.	Dự thảo nghị định đã thể hiện
	Khoản 2	Bộ GD&ĐT	89. Nên thay cụm từ “ <i>đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ</i> ” bằng cụm từ “ <i>đơn vị được giao phụ trách công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực</i> ”. Lý do: chưa có quy định chung về đơn vị phụ trách công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các Bộ, cơ quan ngang bộ. Hiện tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ có đơn vị phụ trách công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực PCTNTC khác nhau (Văn phòng Bộ, Vụ tổ chức cán bộ...).	Tiếp thu tại khoản 2 Điều 14
		Vụ TCCB - TTCP	90. Quy định “nếu không có cơ quan thanh tra thì giao đơn vị tổ chức cán bộ” cần tính đến sự phù hợp với cơ	Tiếp thu tại khoản 2 Điều 14

			quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2025	
	Điểm b khoản 3 Điều 14 của dự thảo quy định: “ <i>Nội dung xác minh là bản kê khai năm xác minh so với bản kê khai của năm liền trước</i> ”	TP. Cần Thơ	91. Quy định này chưa hoàn chỉnh về mặt ngữ pháp do thiếu vị ngữ, dẫn đến nội dung thể hiện chưa rõ ràng, có thể gây cách hiểu không thống nhất khi áp dụng. Để bảo đảm diễn đạt đầy đủ, minh bạch, đề nghị sửa lại theo hướng: “ <i>Nội dung xác minh là việc đối chiếu bản kê khai của năm xác minh với bản kê khai của năm liền trước.</i> ”	Tiếp thu tại Điểm b khoản 3 Điều 14 của dự thảo Nghị định
		Tỉnh Thái Nguyên	92. Đề nghị sửa đổi, bổ sung thành: “ <i>Nội dung xác minh là các thông tin kê khai tại bản kê khai của năm xác minh so với các thông tin đã kê khai tại các bản kê khai của các năm trước.</i> ”	Tiếp thu tại điểm b khoản 3 Điều 14 của dự thảo Nghị định
		TP. Hải Phòng	93. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét thay thế điểm b khoản 3 Điều 14 Dự thảo thành: “ <i>b) Thời kỳ xác minh: Thời điểm kê khai tài sản, thu nhập trong 02 năm liền trước năm thực hiện xác minh, trong trường hợp cần thiết có thể xem xét trước và sau thời kỳ xác minh đối với những vấn đề có liên quan đến nội dung xác minh.</i> ”	Đã tiếp thu theo ý kiến của TP. Cần Thơ
		Tỉnh Gia Lai	94. Đề nghị quy định rõ hơn	Đã tiếp thu theo ý kiến của TP. Cần Thơ
Điều 15		Bộ Quốc phòng	95. Đề nghị cần nhắc quy định “Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kế hoạch xác minh được ban hành. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tổ chức lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh.”	Chưa rõ nội dung góp ý
	Khoản 2: Kế hoạch xác minh hằng năm của Cơ quan		96.	

	kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm số cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành xác minh tối thiểu bằng 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát của mình; riêng đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính phải bảo đảm tối thiểu bằng 10%.		97.	
Khoản 3: “Số lượng người được lựa chọn để xác minh ngẫu nhiên phải bảo đảm tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hàng năm tại mỗi cơ quan, tổ chức,	Tỉnh An Giang	98. Đề nghị quy định cụ thể hơn vì theo các quy định hiện hành, Thanh tra tỉnh không có thẩm quyền kiểm soát tài sản thu nhập của người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Do quy định hiện hành của Đảng có khác biệt so với quy định của Luật	
		99.		
	Tỉnh Nghệ An	100. Đề nghị tách bạch theo hướng: việc lựa chọn được thực hiện ngẫu nhiên; trường hợp cần thiết có thể quy định riêng về việc lựa chọn đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, tránh lồng ghép điều kiện bắt buộc làm giảm tính khách quan của việc lựa chọn ngẫu nhiên.	Quy định này thể hiện khách quan tính ngẫu nhiên trong việc lựa chọn người được xác minh	

	đơn vị được xác minh, trong đó có ít nhất 01 người là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.”	TP Huế	101. Đề nghị xem xét việc quy định “trong đó có ít nhất 01 người là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức.”	Quy định này thể hiện khách quan tính ngẫu nhiên trong việc lựa chọn người được xác minh
		TP Hải Phòng	102. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung cụm từ “làm việc” sau cụm từ “Trong thời hạn 10 ngày...”. Viết lại thành: “3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch xác minh được ban hành. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tổ chức lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh. Việc lựa chọn được thực hiện công khai bằng hình thức bốc thăm hoặc sử dụng phần mềm máy tính.”	10 ngày làm việc tương đương với 2 tuần, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu theo hướng: trong thời hạn 15 ngày...
		TP Hải Phòng	103. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung khoản 4 tại Điều 15 Dự thảo như sau: “4. Trong trường hợp số lượng người được xác minh tài sản, thu nhập lớn, cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập triển khai công tác xác minh thành nhiều đợt. Việc phân chia các đợt xác minh, thời điểm thực hiện tương ứng được quy định cụ thể tại Kế hoạch xác minh được phê duyệt.”	Tiếp thu
		Tỉnh Phú Thọ	104. Dự thảo Nghị định đã bỏ quy định mời đại diện Ủy ban Kiểm tra Đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp dự và chứng kiến. Để bảo đảm việc lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh mang tính khách quan, minh bạch, đề nghị nghiên cứu giữ quy định mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban Kiểm tra Đảng cùng cấp tham gia chứng kiến tại buổi tổ chức lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh.	Tiếp thu
	Điều 16			
Khoản 2		Bộ Công An	105. Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc chỉnh lý, bổ sung thành “Người có nghĩa vụ kê khai chưa được xác minh về tài sản, thu nhập trong thời gian 05 năm liền trước đó trở lên”.	Chưa rõ nội dung góp ý
			106. Đề nghị bổ sung quy định loại trừ trường hợp người đang bị thanh tra, kiểm tra có cùng nội dung liên quan. (Bộ KH&CN)	Tiếp thu

Tiêu chí lựa chọn người được xác minh theo kế hoạch	Tỉnh Bắc Ninh	107. Đề nghị bổ sung thêm đối tượng “Kê khai bổ sung” khi có biến động tăng về tài sản, thu nhập từ 1.000.000.000 đồng trở lên so với tài sản thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc.	Thuộc trường hợp xác minh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 41 - Có dấu hiệu rõ ràng về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực
	Tỉnh Khánh Hoà	108. Tại khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định: đề nghị bổ sung thêm nội dung: “trừ các trường hợp có dấu hiệu rõ ràng về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; có biến động tăng về tài sản, thu nhập trong năm từ 1.000.000.000 đồng trở lên mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc; bị tố cáo về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực và đủ điều kiện thụ lý theo quy định của Luật Tố cáo và các trường hợp khác khi có yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 Luật Phòng chống tham nhũng”.	Điều này quy định về lựa chọn người được xác minh theo kế hoạch
	Tỉnh Khánh Hoà	109. Tại khoản 3 Điều 16 của dự thảo Nghị định: đề nghị bổ sung “Người có nghĩa vụ kê khai không thuộc một trong các trường hợp sau: Người đã có quyết định/thông báo nghỉ việc theo quy định”.	Tiếp thu
d, đ khoản 3 Điều 16	Tỉnh Thanh Hoá	110. Đề nghị bỏ d, đ khoản 3 Điều 16	Không rõ lý do
Chương VI			
Mục 1			
Điều 17			
Điều 18			
Mục 2			
Điều 19			

	Điều 20			
	Khoản 1: Tổ trưởng Tổ xác minh có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập với các nội dung: Mục đích, yêu cầu; phạm vi, nội dung, đối tượng, thời điểm, thời hạn xác minh; phương pháp tiến hành xác minh; tiến độ thực hiện, chế độ thông tin báo cáo; việc sử dụng phương tiện, kinh phí và những điều kiện vật chất	Tỉnh Bắc Ninh	111. Tại Khoản 1, Điều 20 đề nghị bổ sung thêm chữ “tiến hành” sau chữ Kế hoạch thành cụm từ “Kế hoạch tiến hành xác minh” để cho thống nhất 112. Đoạn “Đối với việc xác minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng thì kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập phải còn phải căn cứ vào các quy định của pháp luật về tố cáo”. Thừa từ “ Phải ”	Tiếp thu
		Tỉnh Thái Nguyên	113. Đề nghị bổ sung “Tổ trưởng Tổ xác minh có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tiến hành xác minh tài sản, thu nhập với các nội dung: Mục đích, yêu cầu; phạm vi, nội dung, đối tượng, thời điểm, thời hạn xác minh; phương pháp tiến hành xác minh; tiến độ thực hiện, chế độ thông tin báo cáo; việc sử dụng phương tiện, kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết phục vụ hoạt động của Tổ xác minh”.	Tiếp thu

	cần thiết phục vụ hoạt động của Tổ xác minh. Đối với việc xác minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng thì kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập phải còn phải căn cứ vào các quy định của pháp luật về tố cáo.			
	Điều 21			
	Điều 21	Tỉnh Bắc Ninh	114. Việc yêu cầu cung cấp tài liệu kiểm chứng và yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác minh (quy định tại điều 21-Dự thảo Nghị định) có thể được thực hiện trước khi ban hành Quyết định xác minh tài sản, thu nhập khi đã có căn cứ xác định người được xác minh theo quy định tại Điều 41 Luật Phòng chống tham nhũng, việc yêu cầu cung cấp tài liệu kiểm chứng và yêu cầu cung cấp thông tin sẽ do người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện.	Dự thảo Nghị định đã thể hiện nội dung góp ý
		Bộ KH&CN	115. Bổ sung quy định cụ thể về thời hạn cung cấp tài liệu và thời hạn giải trình.	Đã được quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị định

		Bộ Quốc phòng	116. Đề nghị cần nhắc bổ sung quy định giới hạn về phạm vi yêu cầu cung cấp thông tin.	Đã quy định thông tin liên quan đến nội dung xác minh
	Điều 22			
	Khoản 2: 2. Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập được giao nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập đánh giá các nội dung kê khai a) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản kê khai so với các hồ sơ, tài liệu, thông tin do người được xác minh cung cấp; b) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản kê khai so với thông tin, tài liệu do các cơ quan có liên quan cung cấp; c) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản kê khai trong bản kê khai tài sản, thu nhập;	TP Hải Phòng	117. Tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 22 Dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung cụm từ “<i>thu nhập</i>” sau cụm từ “<i>tài sản</i>”, viết lại thành: “2. Thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập được giao nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập đánh giá các nội dung kê khai a) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với các hồ sơ, tài liệu, thông tin do người được xác minh cung cấp; b) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với thông tin, tài liệu do các cơ quan có liên quan cung cấp; c) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai trong bản kê khai tài sản, thu nhập; d) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản, thu nhập kê khai so với giải trình của người được xác minh;”	Tiếp thu

	d) Tính đầy đủ, rõ ràng của tài sản kê khai so với giải trình của người được xác minh;			
Khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị định	Tỉnh Gia Lai	118. Đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn để việc đánh giá được đảm bảo chính xác, thống nhất giữa các trường hợp khi tiến hành xác minh hoặc điều chỉnh quy định theo hướng đánh giá về tính trung thực của bản kê khai, tính trung thực trong việc giải trình về biến động TSTN, nguồn gốc của TSTN tăng thêm so với thực tế.	Đã quy định ở phần giải thích thuật ngữ	
	Tỉnh Gia Lai	119. Đề nghị bổ sung đánh giá yếu tố thu nhập.	Đã tiếp tiếp thu	
	Bộ GD&ĐT	120. Phòng trường hợp không có lỗi của người kê khai và cơ quan quản lý người được xác minh, dự thảo Nghị định nên bổ sung cụm từ “nếu có” tại điểm đ, điểm e khoản 2 và sửa thành: “đ) Yếu tố lỗi của người được xác minh khi kê khai tài sản, thu nhập không phù hợp với thực tế (nếu có); e) Yếu tố lỗi của cơ quan quản lý người được xác minh trong việc hướng dẫn kê khai, rà soát, kiểm tra bản kê khai (nếu có)”.	Yếu tố lỗi có thể có hoặc không có sẽ ảnh hưởng đến kết luận xác minh	
Điều 23:				
Điều 23:	Bộ KH&CN	121. Bổ sung quy định cụ thể về thời hạn cung cấp tài liệu và thời hạn giải trình.	Tiếp thu và bổ sung quy định: Thời hạn cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ của người được xác minh không quá 10 ngày.	
(1) Căn cứ vào kết quả nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập;	Tỉnh Thái Nguyên	122. Đề nghị sửa đổi như sau: “Căn cứ vào kết quả nghiên cứu bản kê khai tài sản, thu nhập; các thông tin, tài liệu của người được xác minh và các cơ quan có liên quan cung cấp. Trường hợp nội dung trong bản kê khai chưa rõ, Tổ xác minh báo cáo, đề xuất	Dự thảo Nghị định không quy định cụ thể quan hệ giữa Tổ xác minh với người ra quyết định xác minh vì đó là quan hệ hành chính, nội bộ.	

thông tin, tài liệu của các cơ quan có liên quan cung cấp, trường hợp cần thiết, Tổ xác minh có văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình một, một số nội dung cụ thể liên quan đến nội dung kê khai. (2) Trường hợp nội dung giải trình của người kê khai chưa rõ, Tổ xác minh báo cáo, đề xuất Người ra quyết định xác minh cho phép làm việc trực tiếp với người được xác minh. Nội dung làm việc với người được xác minh phải được lập thành biên bản. Nếu thông tin, tài liệu được cung cấp chưa đầy		<i>Người ra quyết định xác minh cho phép làm việc trực tiếp với người được xác minh để yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu và giải trình làm rõ các nội dung kê khai. Nội dung làm việc với người được xác minh phải được lập thành biên bản xác nhận kết quả xác minh”.</i>	
--	--	--	--

	đủ, việc giải trình chưa rõ thì Tổ xác minh yêu cầu người được xác minh tiếp tục cung cấp thông tin, tài liệu giải trình về các vấn đề còn chưa rõ”			
	Điều 24			
	Khoản 2	Bộ Công An	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu cân nhắc quy định rõ việc số lần gia hạn thời hạn xác minh, thời gian mỗi lần gia hạn.	Luật đã quy định thời hạn xác minh là 45 ngày, thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày. Cơ quan kiểm soát tài sản căn cứ vào tình hình thực tế để ra hạn xác minh nhưng không được quá 90 ngày.
	Điều 25			
	Điều 25: Gia hạn thời hạn xác minh	Tỉnh Gia Lai	123. Bổ sung thêm trường hợp được gia hạn thời hạn xác minh khi cơ quan, tổ chức được yêu cầu phối hợp, cung cấp thông tin thực hiện không đúng trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan kiểm soát TSTN theo quy định pháp luật.	Luật đã quy định, Nghị định không được quy định trái luật.
		Bộ KH&CN	124. Đề nghị quy định theo hướng chặt chẽ hơn về việc gia hạn thời hạn xác minh.	Quy định của Luật tạo sự linh động cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập
		Cục XI - TTCP	125. đề nghị cân nhắc quy định cụ thể về thời hạn xác minh	uy định của Luật tạo sự linh động cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập
	Điều 26			

	Khoản 1	Bộ Công An	Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bổ sung nội dung trách nhiệm của thành viên Tổ xác minh theo hướng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ xác minh theo tiến độ đã được xác định trong kế hoạch xác minh đã được phê duyệt và các quyết định gia hạn xác minh cho đầy đủ.	Đây là quan hệ hành chính nội bộ, quản trị điều hành
	Điều 27			
	Điều 28	Bộ GD&ĐT	126. Thời hạn ban hành kết luận xác minh kể từ khi nhận dự thảo kết luận xác minh trùng với thời hạn nhận báo cáo kết quả xác minh quy định tại Điều 49 Luật PCTN, như vậy không có thời hạn để làm rõ hoặc bổ sung thêm nội dung của Báo cáo kết quả xác minh theo yêu cầu của Người ra quyết định xác minh quy định tại Điều 27 Dự thảo Nghị định. Cân nhắc để điều chỉnh cho phù hợp thời hạn luật định.	Đây là quan hệ chỉ đạo điều hành trong nội bộ cơ quan! Không nên quy định quá chặt chẽ như trình tự, thủ tục thanh tra.
	Điều 29			
	Phần tiêu đề của Điều 29	Tỉnh Nghệ An	127. Đề nghị sửa cụm từ “ <i>Gửi và công khai kết luận xác minh, tài sản, thu nhập</i> ” thành “ <i>Gửi và công khai kết luận xác minh tài sản, thu nhập</i> ” (bỏ dấu phẩy sau từ “xác minh”).	Tiếp thu
	Khoản 2: Công khai kết luận xác minh thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật phòng, chống tham nhũng.	Tỉnh Khánh Hoà	128. Tại khoản 2 Điều 29 dự thảo Nghị định: đề nghị nghiên cứu điều chỉnh nội dung: “ <i>Công khai kết luận xác minh thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật phòng, chống tham nhũng</i> ” thành công khai theo một trong các hình thức cụ thể (<i>có thể xem xét các hình thức công khai Kết luận thanh tra</i>); bởi lẽ tại khoản 2 Điều 50 Luật Phòng chống tham nhũng, việc công khai bản kê khai quy định tại Điều 39 Luật Phòng chống tham nhũng đã được điều chỉnh và quy định lại tại các Điều 11, 12, 13 dự thảo Nghị định này; đồng thời nếu áp dụng công khai kết luận xác minh giống với các hình thức công khai bản kê khai thì không phù hợp	Nội dung hướng dẫn của Nghị định không được trái luật

		TP Hải Phòng	129. Tại khoản 2 Điều 29 Dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung cụm từ “Việc công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan (hoặc nơi người được xác minh thường xuyên công tác) hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có người được xác minh tổ chức thực hiện theo Kết luận xác minh.” sau cụm từ “...Điều 50 Luật phòng, chống tham nhũng.”, viết lại thành: “2. Công khai kết luận xác minh thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật phòng, chống tham nhũng. Việc công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan (hoặc nơi người được xác minh thường xuyên công tác) hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có người được xác minh tổ chức thực hiện theo Kết luận xác minh.” sau cụm từ “...Điều 50 Luật phòng, chống tham nhũng.”	Tiếp thu vì bảo đảm thực hiện theo Luật nhưng phù hợp với tình hình thực tiễn
		Tỉnh Thanh Hoá	130. Đề nghị điều chỉnh thành: “2. Công khai kết luận xác minh thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật phòng, chống tham nhũng hoặc người ra Quyết định xác minh giao Thủ trưởng đơn vị được xác minh tiến hành thủ tục Công khai Kết luận xác minh theo Điều 50 Luật phòng, chống tham nhũng và báo cáo đến cơ quan tiến hành xác minh”.	Đã tiếp thu theo ý kiến của TP. Hải Phòng
	Điều 30			
	Điều 31	Tỉnh Lai Châu	131. Bổ sung Điều 31 nội dung “Giao Thanh tra chính phủ ban hành biểu mẫu hướng dẫn tổ chức thực hiện” để thực hiện thống nhất.	Không cần biểu mẫu hướng dẫn, các cơ quan kiểm soát đã làm quen các nhiệm vụ trong thời gian dài
		Bộ Công An	132. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung “Văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình liên quan đến nội dung kê khai (nếu có)”.	Tiếp thu trong dự thảo Nghị định tại khoản 4 Điều 31
			133.	

	Chương VII			
	Điều 33			
	Điều 34			
	Điều 35			
	Điều 35: Khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập	Tỉnh Điện Biên	134. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành (thuế, đất đai, ngân hàng,...) với cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay về chuyển đổi số.	Đã quy định tại khoản 3 Điều 21 Dự thảo nghị định
		Báo Thanh tra	135. Đề xuất bổ sung quy định về kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác (dân cư, thuế, ngân hàng...) nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát.	Đã quy định tại khoản 3 Điều 21 Dự thảo nghị định và Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập
	Chương VIII			
	Điều 36			
	Khoản 2	(Bộ Công An)	136. Dự thảo Nghị định bổ sung quy định xử lý cả trong trường hợp có hành vi tẩu tán, che giấu, tài sản, thu nhập, cản trở hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập, không nộp bản kê khai sau 02 lần được đôn đốc bằng văn bản. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 18, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2025 (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 51, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018) chỉ quy định việc xử lý trường hợp kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo căn cứ khoản 18, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2025 chỉnh lý Điều 36 dự thảo Nghị định; đồng thời, nghiên cứu có thể chuyển khoản 2, Điều 36 sang Điều 37 dự thảo Nghị định cho phù hợp.	Những nội dung trong dự thảo Nghị định kế thừa quy định hiện hành, quá trình thực hiện chưa nhận được phản ánh về khó khăn, vướng mắc

Điều 36	TP Cần Thơ	137. Khoản 2 Điều 36, dự thảo sử dụng cụm từ “<i>che dấu</i>”. Đây là lỗi chính tả thông thường trong tiếng Việt. Đề nghị chỉnh sửa thành “<i>che giấu</i>” để bảo đảm đúng quy tắc chính tả. 138. Điều 36, nội dung hiện tại mới chỉ dừng lại ở việc quy định hình thức xử lý kỷ luật đối với người có nghĩa vụ kê khai khi vi phạm, trong khi chưa đề cập đến việc xử lý đối với tài sản, thu nhập tăng thêm không giải trình được hợp lý về nguồn gốc. Đây là nội dung mang tính cốt lõi của cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập. Nếu không được quy định rõ, sẽ dẫn đến việc chưa xử lý được bản chất của tài sản bất minh, đồng thời làm giảm hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng trên thực tế. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định theo hướng xác lập cơ chế xử lý đối với tài sản, thu nhập tăng thêm không giải trình được hợp lý; đồng thời quy định rõ trách nhiệm chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Trường hợp cần thiết, có thể dẫn chiếu áp dụng theo các quy định của pháp luật có liên quan để bảo đảm tính thống nhất và khả thi trong tổ chức thực hiện.	Tiếp thu Nội dung này Luật không giao quy định chi tiết
	Tỉnh Khánh Hoà	139. Đề nghị bổ sung quy định thế nào là hành vi kê khai không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực; thế nào là tẩu tán, che giấu tài sản, thu nhập, cản trở hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập; quy định rõ vi phạm tùy theo tính chất, mức độ là gì (ví dụ không kê khai TSTN giá trị từ bao nhiêu trở lên, không kê khai bao nhiêu tài sản thì bị xử lý...); vì tại dự thảo Nghị định xử lý rất nặng hành vi này; do vậy phải quy định rõ nội dung này để các kết luận, kiến nghị xử lý đối vừa đảm bảo xử lý nghiêm minh vừa hợp lý, hợp tình, đảm bảo tính nhân văn; đồng thời đề nghị bổ sung thêm việc xử lý các vi phạm khác trong việc kê khai TSTN	Đã đưa nội dung này lên giải thích thuật ngữ

			sẽ bị xử lý như thế nào để cơ quan xác minh TSTN có cơ sở kiến nghị hướng xử lý phù hợp.	
	Điều 37			
	Điều 37	Ủy ban Pháp luật và Tư pháp	140. Điều 37 của dự thảo Nghị định quy định các hình thức xử lý vi phạm bao gồm khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức, tuy nhiên, hiện nay Luật Cán bộ, công chức năm 2025 đã bỏ hình thức kỷ luật "giáng chức" đối với cán bộ. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bỏ hình thức xử lý vi phạm này.	Đã tiếp thu trong dự thảo Nghị định
	Khoản 3	Bộ Quốc Phòng	141. Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ thẩm quyền xử phạt hành chính hoặc xử lý kỷ luật đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ, không kịp thời yêu cầu của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Thực tiễn trong quá trình tiến hành xác minh tài sản, thu nhập thông thường phải gửi văn bản từ 2 đến 3 lần mới nhận được văn bản phản hồi của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin.	Dự thảo Nghị định đã quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi vi phạm quy định trong kiểm soát tài sản, thu nhập
	khoản 3, 4 Điều 37	Tỉnh Thanh Hoá	142. Đề nghị điều chỉnh thành: “3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ, không kịp thời, đúng thời hạn yêu cầu của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; vi phạm một hoặc một số hành vi bị nghiêm cấm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật hoặc bị xử lý trách nhiệm hình sự nếu dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. 4. Các hành vi vi phạm quy định lại Điều 18, các khoản 1, 2 và 3 Điều này nếu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật”.	Dự thảo Nghị định đã quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi vi phạm quy định trong kiểm soát tài sản, thu nhập
	Khoản 4 Điều 37	Tỉnh Nghệ An	143. Đề nghị sửa cụm từ “ <i>Các hành vi vi phạm quy định lại Điều 20...</i> ” thành “ <i>Các hành vi vi phạm quy định tại Điều 20...</i> ”	Tiếp thu

	Điều 39			
	Chương IX			
	Điều 40			
	Điều 41			
	Một số ý kiến góp ý khác			
		Tỉnh Gia Lai	144. Đề nghị rà soát lại việc sử dụng cụm từ “hàng năm”, “hàng năm” trong toàn bộ nội dung tại dự thảo Nghị định để đảm bảo việc trình bày thống nhất.	Tiếp thu
		Tỉnh Gia Lai	145. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định xử lý đối với hành vi vi phạm khác phát hiện trong quá trình xác minh TSTN	Trong quá trình kiểm soát tài sản, thu nhập nếu phát hiện hành vi vi phạm pháp luật thì Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phải chuyển vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết (Điều 31 Luật Phòng, chống tham nhũng)
	<i>Về phân định thẩm quyền của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập</i>	Tỉnh Thanh Hoá	146. Bổ sung “Trường hợp một người đồng thời thuộc thẩm quyền kiểm soát của nhiều cơ quan theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức thì việc tiếp nhận bản kê khai, quản lý dữ liệu và chủ trì xác minh thực hiện theo quy chế phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền của Đảng và cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập trong cơ quan nhà nước; bảo đảm một đầu mối tiếp nhận, tránh trùng lặp, chồng chéo”.	Đã được quy định trong Luật. Ưu tiên đối tượng kiểm soát của cơ quan Đảng.

<i>Về chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất</i>	Tỉnh Thanh Hoá	147. Đề nghị quy định rõ về chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập; quy định mẫu biểu báo cáo thống nhất; nguyên tắc quản lý, lưu trữ, hủy, số hóa và khai thác bản kê khai đã lập theo quy định trước đây; trách nhiệm bàn giao hồ sơ, dữ liệu khi sáp nhập, chia tách, kết thúc hoạt động hoặc điều chuyển thẩm quyền kiểm soát giữa các cơ quan. (Thanh Hoá)	Đang triển khai theo Đề án kiểm soát tài sản, thu nhập
<i>Điều khoản chuyển tiếp</i>	Tỉnh Thanh Hoá	148. đề nghị quy định rõ giá trị tiếp tục sử dụng của dữ liệu, bản kê khai, kế hoạch xác minh, hồ sơ xác minh đã được lập trước ngày Nghị định mới có hiệu lực; tránh phát sinh khoảng trống pháp lý hoặc phải thực hiện lại các thủ tục hành chính không cần thiết. (Thanh Hoá)	Đang triển khai theo Đề án kiểm soát tài sản, thu nhập
<i>Về trường hợp xác minh đối với bản kê khai bổ sung</i>	Tỉnh Thanh Hoá	149. Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể về mốc thời gian và cách thức xác minh đối với bản kê khai bổ sung, đặc biệt là việc đối chiếu tài sản, thu nhập tăng thêm. Thực tiễn cho thấy cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập gặp lúng túng trong việc xác định mốc thời gian chuẩn để làm cơ sở so sánh nếu khoảng cách giữa kỳ kê khai bổ sung và kỳ kê khai liền kề trước đó quá xa. 150. Đề nghị dự thảo cần quy định rõ vị trí pháp lý, cách thức xử lý, mốc thời gian đối chiếu đối với bản kê khai bổ sung để làm cơ sở pháp lý vững chắc cho cơ quan thanh tra khi xem xét, lựa chọn, và quyết định xác minh, tránh tình trạng khoảng trống pháp lý gây lúng túng như hiện nay	Đã quy định trong dự thảo Nghị định.